

Nghị quyết số.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201...

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT
VỀ MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP**

**QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;

Căn cứ Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993;

Theo đề nghị của Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về các trường hợp miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Điều 2. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

1. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm.

2. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

3. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

4. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

b) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác

xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

5. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho *tổ chức* đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho *tổ chức*, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Điều 3. Thời hạn miễn thuế

Thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp quy định tại Nghị quyết này từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp không quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp.

3. Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương rà soát, chấn chỉnh thực hiện thu hồi đất nông nghiệp do vi phạm pháp luật đất đai theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

4. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành những nội dung cần thiết của Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 20....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**Dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp****I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) được thực hiện theo quy định của Luật thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức diện tích năm 1994.

Theo quy định của Luật thuế SDĐNN thì tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đối tượng chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản; đất rừng trồng. Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất (Trong đó: Hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu; Định suất thuế (kg thóc/ha) đối với đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản: Từ 50 kg đến 550 kg; đất trồng cây lâu năm: Từ 80 kg đến 650 kg; Cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm: mức thuế SDĐNN bằng 1,3 lần thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 1, 2, 3; Bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: 4% giá trị sản lượng khai thác). Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá thị trường địa phương.

Luật thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế SDĐNN như sau: (i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3; (ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp; (iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó



khăn; (iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có các quyết định mở rộng ưu đãi miễn, giảm thuế SĐĐNN đối với hộ nông dân và các đối tượng sản xuất nông nghiệp khác qua các năm như sau:

Năm 2001, thực hiện Nghị quyết số 24/1999/QH10 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2000, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 thực hiện miễn thuế SĐĐNN đối với các hộ nghèo trong cả nước và các hộ ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 và giảm 50% thuế SĐĐNN đối với đất trồng lúa và cà phê.

Năm 2002, thực hiện Nghị quyết số 50/2001/QH10 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 199/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 tiếp tục thực hiện miễn thuế SĐĐNN đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các hộ nghèo trong cả nước, đồng thời giảm 50% số thuế SĐĐNN phải nộp đối với các hộ sản xuất nông nghiệp khác còn lại chưa được miễn thuế (hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác).

Năm 2003, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SĐĐNN như Nghị quyết số 50/2001/QH10 đến hết năm 2010; đồng thời mở rộng đối tượng miễn, giảm thuế đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã.

Năm 2010, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SĐĐNN như Nghị quyết số 15/2003/QH11 đến hết năm 2020; đồng thời mở rộng diện được miễn, giảm thuế SĐĐNN, cụ thể: Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối; toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo; diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân. Giảm 50% số thuế SĐĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp nhưng không quá hạn mức nhận chuyển quyền SĐĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho đơn vị vũ trang nhân dân quản lý sử dụng.



Năm 2016, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế SĐĐNN. Theo đó, Nghị quyết cho phép miễn thuế SĐĐNN đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại, gồm: Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất; Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SĐĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã; Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp. Đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức và các đơn vị khác nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp thì phải nộp 100% thuế SĐĐNN trong thời gian chưa thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tổng kết, đánh giá hơn 15 năm thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SĐĐNN thời gian qua cho thấy chính sách miễn, giảm thuế SĐĐNN đã mang lại những kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

- (i) *Góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*
- (ii) *Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân*
- (iii) *Góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*
- (iv) *Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*
- (v) *Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SĐĐNN*

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SĐĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH - HĐH; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SĐĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

2. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông



ng nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Kế thừa các quy định của pháp luật hiện hành về chính sách miễn, giảm thuế SĐĐNN còn phù hợp.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Về nội dung chính sách đề xuất

a) Về các trường hợp miễn thuế SĐĐNN

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SĐĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH - HĐH; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, đề nghị:

Tiếp tục thực hiện miễn thuế SĐĐNN đối với các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 và Nghị quyết số 28/2016/QH14 đến hết ngày 31/12/2030 (trong đó có hoàn chỉnh lại câu chữ cho phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai). Cụ thể như sau:

(i) Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm.

(ii) Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

(iii) Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

(iv) Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

- Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;



- Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SDDNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

(v) Miễn thuế SDDNN đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho *tổ chức*¹ đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

b) Quy định trường hợp phải nộp thuế

Đề phù hợp với Luật đất đai, đề nghị: *Thực hiện thu 100% số thuế SDDNN trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đối với: Tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.*

c) Về thời hạn miễn thuế SDDNN

Đề xuất thời gian miễn thuế SDDNN là 10 năm (từ 01/01/2021 đến hết 31/12/2030).

d) Điều khoản thi hành

- Dự kiến Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 (nối tiếp thời gian miễn thuế SDDNN theo quy định hiện hành đến hết 31/12/2020).

- Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành, đối tượng được miễn thuế SDDNN không quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật thuế SDDNN.

2. Về đánh giá tác động của chính sách đề xuất

a) Tính phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước

Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 6/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về “tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”, đã nêu giải pháp: “*Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích*”.

Tại Điều 142 Luật đất đai năm 2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014) đã quy định: “*Nhà nước khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*”.

¹ Theo quy định của Luật đất đai 2013 thì tổ chức, gọi chung của tổ chức kinh tế, gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật dân sự.

Tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã nêu rõ định hướng ưu tiên nhằm đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững là: *“chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng; phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng và hiệu quả; gắn sản xuất với thị trường trong nước và thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (đất đai, nước, rừng, lao động và nguồn vốn)...”*.

Tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 2/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 nêu giải pháp: *“Tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng mở rộng quy mô trang trại”*.

Tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn đã nêu rõ định hướng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng: *“xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao...”*; *“tạo tiền đề triển khai tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn, có quy mô ruộng đất lớn, với mục đích tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia”*.

Như vậy, việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tới là phù hợp và góp phần thực hiện các chủ trương quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nêu trên, qua đó, góp phần khuyến khích hơn nữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; khuyến khích phát triển xây dựng cánh đồng lớn, góp phần xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao để nâng cao chất lượng sản phẩm; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

b) Tác động về kinh tế

- *Góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*

Đối với doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp thì vốn và đất đai là hai nguồn lực quan trọng nhất. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận đất đai, trong thời gian qua Quốc hội và Chính phủ

đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp², trong đó có chính sách miễn thuế SĐĐNN. Các chính sách này được đánh giá là có tác động tích cực, góp phần giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Hệ thống doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đã hình thành với trên 50.000 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, trong đó khoảng 10.200 doanh nghiệp trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản (50% là trong lĩnh vực nông nghiệp, 35% trong lĩnh vực thủy sản và 15% trong lĩnh vực lâm nghiệp). Số doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 8% tổng số doanh nghiệp trên cả nước (trong đó có tới 96% là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ)³. So với tiềm năng và tỷ trọng ngành nông nghiệp trong nền kinh tế, số lượng doanh nghiệp như hiện nay còn khá ít, quy mô của các doanh nghiệp nông nghiệp còn hạn chế, sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp còn rất khiêm tốn so với tiềm năng, lợi thế phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Theo đó, để góp phần đạt mục tiêu về số lượng doanh nghiệp hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2030 và tăng tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 3%/năm, việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SĐĐNN đối với các tổ chức trực tiếp SĐĐNN để sản xuất nông nghiệp là một trong những giải pháp hỗ trợ hiệu quả.

Ngoài ra, thực tế hiện nay đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân lại khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước⁴. Do vậy, đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp cũng cần phải tiếp tục có chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế SĐĐNN cho giai đoạn tiếp theo. Việc thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SĐĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

- Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

Tại Báo cáo Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm

² Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

³ Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững.

⁴ Trong các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư vào nông nghiệp thì đối tượng được hỗ trợ chủ yếu là doanh nghiệp, trong đó người sản xuất nông nghiệp thường có quy mô nông hộ hoặc trang trại.



2016-2020 tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ ra các hạn chế trong việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, trong đó đối với nông nghiệp đó là: “Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới còn chậm và kết quả đạt được chưa đồng đều, chưa đạt mục tiêu đề ra; nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu. Hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp phát triển còn chậm, kinh tế tập thể hoạt động còn lúng túng. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, thiếu bền vững, hiệu quả chưa cao; chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và thu nhập của người nông dân còn thấp. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn lớn”.

Mặt khác, hiện nay, Việt Nam đã đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và trở thành nước xuất khẩu nông sản đứng thứ hai Đông Nam Á, thứ 15 trên thế giới⁵. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) với những cam kết sâu rộng. Các Hiệp định thương mại tự do tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, tăng cường cơ hội thu hút dòng vốn FDI, tạo thuận lợi cho xuất khẩu một số hàng hóa có thế mạnh của Việt Nam, trong đó có các mặt hàng nông sản, nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, hàng nông sản của các nước đối tác cũng được hưởng những thuận lợi tương tự khi vào thị trường Việt Nam, do đó sức ép cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước cũng rất lớn đối với hàng nông sản của Việt Nam. Ngoài ra, trong những năm gần đây, với xu hướng bảo hộ mậu dịch⁶ của các nước trên thế giới và những thách thức nội tại của ngành nông nghiệp ngày càng trở nên khó khăn (như biến đổi khí hậu, liên kết giá trị nông sản, biến động giá thị trường...).

Trước thực trạng nêu trên đòi hỏi nền nông nghiệp nước ta giai đoạn tới phải được phát triển toàn diện, theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Cùng với việc triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi khác thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tiếp theo là một giải pháp khuyến nông góp phần nâng cao giá trị gia tăng và kết nối chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó góp phần đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cường cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, phấn đấu đến năm 2030 đưa nông nghiệp Việt Nam đứng

⁵ Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững.

⁶ Bảo hộ mậu dịch là một thuật ngữ kinh tế học, chỉ việc áp dụng các biện pháp để bảo vệ ngành sản xuất hàng hóa (hay dịch vụ) của quốc gia bằng cách nâng cao tiêu chuẩn như chất lượng, vệ sinh, an toàn, lao động, môi trường, xuất xứ... hoặc áp đặt thuế suất nhập khẩu cao đối với một số mặt hàng; được sử dụng trong quan hệ thương mại giữa các nước.



trong số 15 nước phát triển nhất thế giới và hướng tới phát triển một nền nông nghiệp bền vững.

- Tác động ngân sách nhà nước

Với đề xuất miễn, giảm thuế SDĐNN cho giai đoạn 2021-2030 như quy định hiện hành thì số thuế SDĐNN được miễn khoảng 7.500 tỷ đồng/năm. Tuy nhiên, do đây là nội dung kế thừa quy định hiện hành, do đó, việc đề xuất miễn thuế SDĐNN như quy định hiện hành sẽ không tác động làm giảm thu ngân sách nhà nước. Số thuế SDĐNN được miễn sẽ là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính quan trọng trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, giảm bớt khó khăn, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

c) Tác động đến đời sống xã hội khu vực nông thôn

- Góp phần giải quyết việc làm và thu nhập cho người nông dân

Giải quyết việc làm cho khu vực nông thôn là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Đặc biệt, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề lao động có vai trò quan trọng, mang tính cấp thiết, lâu dài đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Một trong những mục tiêu quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn. Mặc dù trong những năm qua, xu hướng đô thị hóa đang gia tăng, nhưng khoảng 60% lực lượng lao động nước ta tập trung ở nông thôn⁷, năng suất lao động nông nghiệp thấp, tỷ suất lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp không cao nên sản phẩm thặng dư do ngành nông nghiệp tạo ra là ít.

Xét về mặt kinh tế thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là biện pháp khuyến nông thông qua thuế, tạo cơ sở cho tập trung đất nông nghiệp để phát triển nông nghiệp hiện đại theo hướng ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tỷ trọng lao động nông nghiệp ở nông thôn. Hiệu ứng về mặt xã hội của chính sách miễn thuế SDĐNN là thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển hình thức kinh tế trang trại và ứng dụng khoa học công nghệ đã tạo ra nhiều việc làm hơn trong khu vực nông thôn, giảm áp lực lao động đi làm tại các địa phương khác hoặc xuất khẩu lao động, từ đó giúp tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Theo đó, bên cạnh các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo lao động ngành nông nghiệp của Nhà nước để tăng năng suất lao động, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là một trong các giải pháp phù hợp nhằm tạo thêm việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

⁷ Theo số liệu thống kê thì cả nước hiện có khoảng 17 triệu thanh niên nông thôn có độ tuổi từ 15-30, chiếm 70% số thanh niên và 60% lao động nông thôn.

- Phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp và đời sống khu vực nông thôn

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nhiều chính sách ưu đãi cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân đã được ban hành góp phần làm thay đổi đáng kể nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Tuy nhiên, trong 10 năm tới đời sống nông dân mặc dù sẽ được cải thiện nhưng vẫn còn khó khăn so với mặt bằng chung của xã hội.

Do đó, việc miễn thuế trong thời hạn 10 năm 2021-2030 sẽ có ý nghĩa về mặt chính trị, góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất trên diện tích của mình, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm, Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp⁸, chu kỳ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt với cây lâu năm. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 10 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

d) Tác động đến vấn đề tập trung, tích tụ đất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp của Việt Nam đang dần được cải thiện về quy mô và chất lượng nhưng hiệu quả vẫn chưa cao. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do việc đất sử dụng trong sản xuất nông nghiệp hiện còn manh mún, phân tán nhỏ lẻ, đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp trên diện rộng không nhiều, gây trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất trên quy mô lớn và khó khăn trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến.

Luật Đất đai năm 2013 đã mở rộng hạn mức giao đất và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất⁹ cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất hình thành sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp. Cùng với các chính sách ưu đãi phát triển nông nghiệp, chính sách miễn thuế SDDNN là một trong những chính sách tài chính quan trọng trong thời gian qua, giúp người nông dân yên tâm đầu tư vốn, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất đai, hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp, giải phóng sức lao động ...

Do đó, việc tiếp tục duy trì miễn thuế SDDNN trong thời gian tới sẽ góp phần thực hiện chính sách của Nhà nước về khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp¹⁰. Nhà nước khuyến khích phát triển và bảo hộ kinh tế trang trại là một trong những chính sách lâu dài của Nhà nước đối với

⁸ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó đã đề ra các mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp theo từng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030.

⁹ Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013.

¹⁰ Điều 142 Luật Đất đai năm 2013.

kinh tế trang trại¹¹. Thực tế cho thấy, kinh tế trang trại với quy mô sản xuất vượt trội, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, mức độ tập trung hóa và chuyên môn hóa cao, sử dụng động hiệu quả, có khả năng tiếp nhận và áp dụng công nghệ mới vào sản xuất.

e) Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDDNN; góp phần khuyến khích SDDNN hiệu quả và đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Điều h, khoản 1 Điều 64 Luật đất đai 2013 quy định về trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, trong đó có trường hợp: Đất trồng cây hàng năm không sử dụng trong 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong 12 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong 24 tháng liên tục.

Theo quy định của Luật đất đai 2013 (Điều 133) thì Nhà nước thu hồi diện tích đất không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, giao khoán, cho thuê, cho mượn trái pháp luật, bị lấn, bị chiếm của tổ chức kinh tế¹², người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để tạo quỹ đất giao, cho thuê đối với hộ gia đình, cá nhân.

Do các trường hợp nêu trên là các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, do đó, quy định việc thu 100% thuế SDDNN trong thời gian thu chưa bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai là phù hợp và đảm bảo đồng bộ với hệ thống pháp luật về đất đai; đồng thời góp phần khắc phục tình trạng giao đất nhưng không sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng, gây lãng phí nguồn lực đất đai.

Thông qua việc thu 100% thuế SDDNN trong thời gian thu chưa bị thu hồi đất và việc kê khai để xác định số thuế SDDNN được miễn, Nhà nước kiểm soát và quản lý việc SDDNN tới từng xã, nắm được sự biến động và tình hình quản lý, SDDNN ở từng địa phương, góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai và hạn chế tình trạng đất bỏ hoang không đưa vào sử dụng.

f. Tính phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phần lớn các nước đều đưa đất nông nghiệp vào đối tượng chịu thuế tài sản (như: Canada, Argentina; Chi-lê, Mê-xi-cô, Ấn Độ) hoặc thuế nhà, đất (như Indonexia) hoặc thuế đất (như Úc, Đức, Thái lan). Một số ít nước ban hành Luật thuế riêng về SDDNN tương tự Việt Nam (như: Albania, Bulgari, Georgia, Ba lan, Trung Quốc...).

Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế¹³ mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SDDNN khác

¹¹ Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 2/2/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại.

¹² Tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác theo quy định của pháp luật về dân sự, trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

¹³ Việc miễn thuế đất nông nghiệp được coi là hiệu quả và hợp lý do thuế đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân thường có số thu nhỏ, chi phí thu, nộp và quản lý cao (như Tan-za-ni-a, Tuy-ni-zi).



nhau như: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (*Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...*); miễn một phần hay toàn bộ số thuế phải nộp (*Úc, Ba Lan, Colombia, Nicaragua, Cộng hòa Domenica, Campuchia, Mông Cổ...*), hay không đưa đất sử dụng sản xuất nông nghiệp vào diện chịu thuế (*Thụy Điển, Italia, Anh,...*).

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp¹⁴, trợ cấp nông nghiệp¹⁵ thì miễn thuế SDĐNN được sử dụng chủ yếu như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế thế giới và khu vực, đến nay, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)... Việc miễn thuế SDĐNN không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam về thuế trong Hiệp định nông nghiệp của WTO, Hiệp định EVFTA và CPTPP.

Như vậy, việc tiếp tục duy trì miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp và không trái với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

3. Về đánh giá tác động của thủ tục hành chính và vấn đề bình đẳng giới của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết không quy định thủ tục hành chính; đồng thời không quy định vấn đề bình đẳng giới. Vì vậy, không thuộc đối tượng phải đánh giá tác động thủ tục hành chính và vấn đề bình đẳng giới theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

¹⁴ Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc).

¹⁵ Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU's Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai.



BÁO CÁO**Về tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện
Chính sách miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp**

Phát triển nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhận thức được vai trò quan trọng của ngành nông nghiệp đối với sự phát triển kinh tế xã hội, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong đó có chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN).

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN đã được triển khai và thực hiện trong hơn 15 năm. Bộ Tài chính đã tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện miễn, giảm chính sách thuế SDĐNN thời gian qua như sau:

I. Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua

Trong những năm qua, kinh tế nông nghiệp và khu vực nông thôn đã có bước phát triển nhất định nhưng vẫn là khu vực có tốc độ phát triển chậm so với các khu vực khác của nền kinh tế. Sản xuất nông nghiệp nước ta nói chung vẫn mang tính chất của một nền sản xuất nhỏ, manh mún, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp còn thấp, đời sống người dân thuần nông eo hẹp về kinh tế và gặp nhiều khó khăn. Nhà nước ta đã có nhiều chính sách khác nhau nhằm hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong đó chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là một trong những chính sách đã và đang phát huy những tác động tích cực và có ý nghĩa chính trị sâu sắc, cụ thể như sau:

Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức diện tích năm 1994. Theo quy định của Luật thuế SDĐNN thì tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đối tượng chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản; đất rừng trồng. Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất. Hạng đất căn cứ vào các

yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu; Định suất thuế (kg thóc/ha) đối với đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản: Từ 50 kg đến 550 kg; đất trồng cây lâu năm: Từ 80 kg đến 650 kg; Cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm: Bằng 1,3 lần thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 1, 2, 3; Bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá trị thị trường địa phương.

Tại Luật thuế SĐĐNN quy định việc miễn, giảm thuế như sau:

(i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trực dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;

(ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp;

(iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn;

(iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có các Nghị quyết mở rộng ưu đãi miễn, giảm thuế SĐĐNN đối với hộ nông dân và các đối tượng sản xuất nông nghiệp khác qua các năm như sau:

1. Giai đoạn 2001 - 2010

Năm 2001, thực hiện Nghị quyết số 24/1999/QH10 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2000, Chính phủ đã có Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 về việc bổ sung giải pháp điều hành kinh tế năm 2001, theo đó thực hiện miễn thuế SĐĐNN đối với các hộ nghèo trong cả nước và các hộ ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 và giảm 50% thuế SĐĐNN đối với đất trồng lúa và cà phê.

Năm 2002, thực hiện Nghị quyết số 50/2001/QH10 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 199/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các hộ nghèo trong cả nước, đồng thời giảm 50% số thuế SDĐNN phải nộp đối với các hộ sản xuất nông nghiệp khác còn lại chưa được miễn thuế (hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác).

Năm 2003, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SDĐNN như các năm trước đến hết năm 2010; đồng thời mở rộng đối tượng miễn, giảm thuế SDĐNN đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã. Cụ thể:

- Miễn thuế SDĐNN trong hạn mức theo quy định của pháp luật cho từng vùng đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhận đất giao khoán của doanh nghiệp, hợp tác xã để sản xuất nông nghiệp.

- Miễn thuế SDĐNN trong hạn mức đối với hộ xã viên góp ruộng đất để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

- Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Giảm 50% số thuế SDĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp của đối tượng không thuộc diện được miễn thuế nêu trên và diện tích đất sản xuất nông nghiệp vượt hạn mức theo quy định của pháp luật đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên và hộ sản xuất nông nghiệp khác.

2. Giai đoạn từ 2011 - 2020

Năm 2010, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SDĐNN như các năm trước đến hết năm 2020 đối với các đối tượng gồm:

- Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

- Miễn thuế SDĐNN đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp đối với: Hộ gia đình, cá nhân nông dân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất; Hộ gia đình, cá nhân là xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; Hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao



khoản ổn định của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp có quyền SĐĐNN góp đất của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

- Giảm 50% số thuế SĐĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp nhưng không quá hạn mức nhận chuyển quyền SĐĐNN của hộ gia đình, cá nhân. Đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức nhận chuyển quyền SĐĐNN thì phải nộp 100% thuế SĐĐNN.

- Giảm 50% số thuế SĐĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho đơn vị vũ trang nhân dân quản lý sử dụng.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SĐĐNN.

Năm 2016, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SĐĐNN như các năm trước đến hết năm 2020; đồng thời mở rộng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế từ trong hạn mức cho đến toàn bộ diện tích đối với còn lại đang phải nộp thuế SĐĐNN, gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

- Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SĐĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã;

- Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, hiện nay thuế SĐĐNN đang được miễn đến hết 31/12/2020 theo Nghị quyết 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và Nghị quyết số 28/2016/QH13



ngày 11/11/2016 của Quốc hội cho hầu hết các đối tượng. Riêng diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDDNN.

II. Tổng kết, đánh giá việc miễn, giảm thuế SDDNN trong thời gian qua

Việc thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDDNN trong thời gian qua, đặc biệt là việc ban hành các Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và Nghị quyết số 28/2016/QH13 ngày 11/11/2016 về việc miễn thuế SDDNN đối với hầu hết các trường hợp đã mang lại những kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

a) Thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Điều 82 Luật Đất đai 2003 (có hiệu lực thi hành từ 1/7/2004) quy định: *"Nhà nước khuyến khích hình thức kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp"*.

- Điều 142 Luật đất đai 2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014) quy định: *"Nhà nước khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp"*.

- Nghị quyết số 26/NQ/TW ngày 5/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đặt ra mục tiêu đến năm 2020 là *"Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt 3,5-4%/năm; SDDNN tiết kiệm và hiệu quả; duy trì diện tích lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mặt và lâu dài. Phát triển nông nghiệp kết hợp với phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, giải quyết cơ bản việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp trên 2,5 lần so với hiện nay"*.

- Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã nêu rõ định hướng ưu tiên nhằm đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững là *"chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng; phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng và hiệu quả; gắn sản xuất với thị trường trong nước và thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (đất đai, nước, rừng, lao động và nguồn vốn)..."*.

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn đã nêu rõ định hướng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng: *"xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao..."*; *"tạo tiền đề triển khai tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn, có quy mô ruộng đất lớn, với mục đích tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia"*.

Việc miễn, giảm thuế SDDNN trong thời gian qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ; góp phần khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích hình thức kinh tế trang trại, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, từ đó giúp người nông dân cải thiện đời sống, có thêm vốn tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp; đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản Việt Nam trên thị trường.

Việc mở rộng diện được miễn thuế SDDNN tại Nghị quyết số 28/2016/QH14 góp phần thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ

cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

b) Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông thôn.

Chính sách miễn, giảm thuế SDDNN là chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân, tạo việc làm cho khu vực nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Nhờ đó nông dân có điều kiện tăng tích lũy vốn để tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp và mở rộng sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp để tạo ra sản phẩm có năng suất và chất lượng cao hơn, từ đó, giải quyết việc làm cho nông dân, khuyến khích người nông dân gắn bó hơn với đất, yên tâm đầu tư sản xuất nông nghiệp.

Chính sách miễn, giảm thuế SDDNN là biện pháp khuyến nông, tạo cơ sở cho tập trung đất nông nghiệp để phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản, tăng thu nhập cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp, từ đó nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho khu vực nông thôn.

- Giai đoạn từ 2003 - 2010 (theo Nghị quyết số 15/2003/QH11): Đây là giai đoạn đầu tiên Quốc hội ban hành chính sách miễn, giảm thuế SDDNN đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất để sản xuất nông nghiệp của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở các xã đặc biệt khó khăn. Chính sách này đã góp phần giúp người dân giảm bớt khó khăn về đời sống, nhất là những xã ở vùng cao, vùng sâu.

Bảng 1. Kết quả miễn, giảm thuế SDDNN trong giai đoạn 2003-2011

Chỉ tiêu	Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (Ha)	Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (Ha)	Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)	Số đối tượng được miễn (NNT)	Số thuế được miễn (tỷ đồng)	Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)
2003	6.103.681	5.782.556	10.726.969	10.479.748	2.337	114
2004	6.502.736	6.178.928	11.090.099	10.813.439	2.564	116
2005	6.441.686	6.067.272	10.658.117	10.989.438	2.727	122
2006	6.481.581	6.108.266	11.267.288	10.729.568	2.951	158
2007	6.392.026	6.034.786	11.094.551	10.814.533	3.225	155

Chi tiêu	Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (Ha)	Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (Ha)	Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)	Số đối tượng được miễn (NNT)	Số thuế được miễn (tỷ đồng)	Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)
2008	6.574.931	5.874.675	11.430.503	10.585.080	3.760	165
2009	6.639.220	6.029.547	11.576.987	11.321.243	4.084	183
2010	6.571.777	6.316.863	11.534.848	11.227.071	4.500	196
Trung bình	6.463.455	6.049.112	11.172.420	10.870.015	3.269	151

(Nguồn: Tổng hợp sơ bộ trên cơ sở số liệu do địa phương cung cấp)

Theo Bảng 1 thì trong giai đoạn 2003-2010 tổng số đối tượng được miễn thuế SĐĐNN trung bình là khoảng 10.870.015 NNT/năm, chiếm 97,3% tổng số đối tượng nộp thuế (11.172.420 NNT). Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế SĐĐNN trung bình là 6.049.112 Ha, chiếm 93,6% tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (6.463.455 Ha). Tổng số thuế SĐĐNN được miễn trung bình là khoảng 3.269 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SĐĐNN còn lại là khoảng 151 tỷ đồng.

- Giai đoạn từ 2011 - 2016 (theo Nghị quyết số 55/2010/QH11): So với Nghị quyết 15/2003/QH11, Nghị quyết 55/2010/QH13 đã mở rộng đối tượng miễn thuế SĐĐNN. Theo đó, miễn thuế SĐĐNN với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối. Chính sách này bên cạnh những mục tiêu khuyến khích phát triển nông nghiệp như giai đoạn trước, đã góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp; tạo điều kiện cho người dân trồng lúa và làm muối; từ đó đảm bảo nguồn cung đối với hai sản phẩm nông nghiệp này. Về cơ bản, Nghị quyết 55/2010/QH12 mang lại những kết quả như sau:

Bảng 2. Kết quả miễn, giảm thuế SĐĐNN trong giai đoạn 2011-2016

Chi tiêu	Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (Ha)	Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (Ha)	Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)	Số đối tượng được miễn (NNT)	Số thuế được miễn (tỷ đồng)	Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)
2011	7.035.326	6.885.672	11.980.720	11.831.876	5.499	273

Chỉ tiêu	Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (Ha)	Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (Ha)	Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)	Số đối tượng được miễn (NNT)	Số thuế được miễn (tỷ đồng)	Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)
2012	7.541.366	7.396.428	12.151.362	12.045.228	6.031	284
2013	7.051.549	6.893.781	12.229.977	12.123.804	6.260	295
2014	7.194.863	7.051.294	12.023.132	11.901.019	6.581	317
2015	7.237.964	7.115.106	12.348.064	12.257.403	6.610	313
2016	7.240.557	7.119.082	12.342.703	12.255.094	6.869	330
Trung bình	7.216.937,5	7.076.893,8	12.179.326	12.069.071	6.308,3	302

(Nguồn: Tổng hợp sơ bộ trên cơ sở số liệu do địa phương cung cấp)

Theo Bảng 2 thì trong giai đoạn 2011-2016 tổng số đối tượng được miễn thuế SDĐNN trung bình là khoảng 12.069.071 NNT/năm, chiếm 99% tổng số đối tượng nộp thuế (12.179.326 NNT). Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là 7.076.894 Ha, chiếm 98,1% tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (7.216.938 Ha). Tổng số thuế SDĐNN được miễn trung bình là khoản 6.308,3 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SDĐNN còn lại là khoảng 302 tỷ đồng.

- Giai đoạn từ 2017 - 2018 (theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 và Nghị quyết số 28/2016/QH14): Nghị quyết số 28/2016/QH14 đã mở rộng diện được miễn thuế SDĐNN nước giao đất nông nghiệp, trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp cũng được miễn thuế SDĐNN.

Theo số liệu sơ bộ do các địa phương cung cấp, trong giai đoạn 2017-2018, tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế bình quân là 8.115.943 ha/năm; Tổng số đối tượng phải chịu thuế bình quân là 12.091.840 NNT/năm; Tổng số thuế miễn, giảm bình quân là 7.438,5 tỷ đồng/năm.

c) *Góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn*

Cùng với các chính sách ưu đãi khác, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hướng đến phát triển nông nghiệp toàn diện và bền vững. Việc ban hành các Nghị quyết miễn, giảm thuế SDĐNN đã thể hiện sự ưu đãi của Nhà nước đối với khu vực sản xuất nông nghiệp - khu vực đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nhưng còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình phát triển. Bên cạnh đó,

việc liên tục mở rộng đối tượng và diện tích đất được miễn, giảm thuế SDDNN từ 2003 đến nay đã góp phần mang lại sự ưu đãi hợp lý đối với những đối tượng sử dụng nhiều đất vào sản xuất nông nghiệp, khuyến khích tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp ở quy mô lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa.

Việc miễn, giảm thuế SDDNN trong các năm vừa qua đã được người nông dân đánh giá cao, tạo sự gắn bó giữa người nông dân với Nhà nước, góp phần trực tiếp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của người nông dân, tạo động lực cho người nông dân gắn bó với ruộng đất hơn, chăm lo thâm canh phát triển sản xuất và ứng dụng công nghệ, giống mới vào sản xuất nông nghiệp.

Với tổng số thuế SDDNN được miễn, giảm giai đoạn từ 2003-2018 là khoảng 17 tỷ đồng, đã tạo nguồn lực tài chính quan trọng trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, là hình thức hỗ trợ trực tiếp người nông dân, khuyến khích họ đầu tư thêm nguồn vốn để mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, giảm bớt khó khăn, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

d) Góp phần xây dựng hệ thống chính sách khuyến khích đầu tư nông nghiệp, nông thôn đồng bộ.

Nhận thức được tầm quan trọng của nền sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã đưa ra các chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn, cụ thể như sau:

- Các chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn:

Luật Đất đai năm 2003 quy định Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất trong các trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; tổ chức sử dụng đất vào mục đích nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm về các lĩnh vực trên; đơn vị vũ trang được giao đất sản xuất trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; hợp tác xã xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối. Đồng thời, theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2005 thì hoạt động nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản; làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

Luật Đất đai 2013 quy định về các đối tượng giao đất không thu tiền sử dụng đất bao gồm hộ gia đình, cá nhân trực tiếp lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối. Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định thêm các trường hợp được miễn tiền



thuê đất đối với các hợp tác xã xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; miễn giảm đối với các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời, Luật Đầu tư năm 2015 quy định nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; trồng và bảo vệ rừng; làm muối; khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá; sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, sản phẩm công nghệ sinh học thuộc vào ngành nghề ưu đãi đầu tư.

Các quy định tại Luật đất đai và Luật đầu tư đều được xây dựng có sự tương quan, nhằm đồng bộ hoá chính sách ưu tiên, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, để cụ thể hóa chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại các Luật Đất đai và Luật Đầu tư, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 và Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 (thay thế Nghị định số 61/2010/NĐ-CP) về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó đã quy định cụ thể ưu đãi về đất đai (như miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất); hỗ trợ đầu tư (như hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường, áp dụng khoa học công nghệ...); ưu đãi tín dụng (như cho vay, bảo lãnh tín dụng đầu tư, hỗ trợ sau đầu tư, ưu đãi về tín dụng xuất khẩu, bảo lãnh tín dụng xuất khẩu...).

- *Các chính sách thuế, phí và lệ phí đối với nông nghiệp, nông thôn:*

+ Chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư; giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong nước chưa sản xuất được; nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. Ngoài ra, miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất đối với giống cây trồng, vật nuôi được phép nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư vào lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định.

+ Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp quy định miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản; đồng thời quy định ưu đãi về thuế suất, thời



gian miễn, giảm thuế đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

+ Chính sách thuế thu nhập cá nhân quy định miễn thuế đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường có thu nhập từ hoạt động này.

+ Chính sách thuế giá trị gia tăng quy định các hàng hoá chủ yếu dùng cho đầu vào hoặc liên quan đến dịch vụ cung cấp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (giống cây trồng, vật nuôi, nạo vét kênh mương nội đồng, phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp) hoặc áp dụng mức thuế suất thấp 5% (dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp..). Sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu được áp dụng mức thuế 0%, các cơ sở sản xuất kinh doanh xuất khẩu được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

+ Chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định dự án đầu tư thuộc địa bàn, lĩnh vực ưu đãi đầu tư thì được miễn, giảm thuế theo quy định.

+ Chính sách thuế tài nguyên quy định nước thiên nhiên dùng cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế tài nguyên; đồng thời quy định miễn thuế đối với một số trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (như nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện của hộ gia đình, cá nhân tự sản xuất phục vụ sinh hoạt, nước thiên nhiên do hộ gia đình, cá nhân khai thác phục vụ sinh hoạt...).

+ Chính sách lệ phí trước bạ quy định các trường hợp không phải nộp lệ phí trước bạ như đất được Nhà nước giao hoặc công nhận sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối; đất nông nghiệp chuyển đổi quyền sử dụng giữa các hộ gia đình, cá nhân theo chủ trương chung về dồn điền đổi thửa; và các trường hợp được miễn lệ phí trước bạ như nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở của người dân tộc thiểu số ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn.

+ Chính sách phí, lệ phí khác đã chuyển một số các khoản phí sang thực hiện theo giá dịch vụ (gồm thủy lợi phí; phí kiểm nghiệm chất lượng thức ăn chăn nuôi; phí kiểm nghiệm thuốc thú y; phí kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; phí chẩn đoán thú y) và bãi bỏ các lệ phí (gồm lệ phí cấp giấy chứng



nhận kết quả giám sát khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; lệ phí cấp giấy chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng; lệ phí cấp phép sản xuất kinh doanh thuốc thú y; lệ phí cấp phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam; lệ phí cấp giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; lệ phí cấp giấy phép đối với các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; lệ phí cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt đối với động vật quý hiếm và sản phẩm của chúng).

Thông qua các quy định nêu trên có thể thấy, chính sách miễn, giảm thuế SDDNN nói riêng và các chính sách về thuế, phí nói chung đều được xây dựng dựa trên chủ trương hỗ trợ, khuyến khích sản xuất nông nghiệp, từ đó hình thành hệ thống cơ sở pháp lý phù hợp, đồng bộ, thống nhất, tạo thuận lợi trong quá trình triển khai và thực hiện.

e) Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Chính sách miễn, giảm thuế SDDNN là một trong những chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Trong những năm vừa qua, Quốc hội đã liên tiếp mở rộng diện miễn, giảm thuế SDDNN nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần tạo nguồn lực cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp, tăng thế mạnh của nông sản Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới trong bối cảnh cạnh tranh thương mại khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do. Việc hỗ trợ về thuế đối với khu vực sản xuất nông nghiệp trong những năm qua đã góp phần đưa Việt Nam dẫn đầu trong xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản (gỗ, thủy sản, điều, tiêu...), khẳng định năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Theo số liệu tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Bộ Công thương, Bộ Tài chính cho thấy: Giai đoạn 2001-2010, giai đoạn đầu thực hiện miễn, giảm thuế SDDNN, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam từ 1 con số đã tăng lên 2 con số: Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chỉ đạt 4,7 tỷ USD; năm 2005, đã tăng lên 8,5% tỷ USD, gấp 2,1 lần năm 2001; năm 2007 đạt 10,9 tỷ USD và đến năm 2010 đạt 19,15 tỷ USD (tăng gần 5 lần so với năm 2001).

Giai đoạn 2011-2018 (giai đoạn tiếp tục mở rộng đối tượng được miễn, giảm thuế SDDNN và tiến tới miễn thuế SDDNN), kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng vượt bậc, góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đưa Việt Nam lọt vào top 15 nước xuất khẩu nông sản lớn nhất trên thế giới. Năm 2011, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 25 tỷ USD. Đến năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nông sản đã đạt khoảng 40,5 tỷ USD (tăng 10 lần so với năm 2001).

Ngoài ra, chính sách miễn, giảm thuế SĐĐNN là phù hợp với cam kết của Việt Nam khi trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tiếp tục tạo môi trường đầu tư thuận lợi trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư quốc tế, đầu tư trong nước vào sản xuất nông nghiệp, góp phần đẩy nhanh quá trình CNH - HĐH đất nước.

f) Phù hợp với bối cảnh hội nhập và thông lệ quốc tế.

Xu hướng đầy mạnh hợp tác quốc tế và toàn cầu hoá, với nhiều Hiệp định thương mại tự do được ký kết đã mang lại cho nền kinh tế nhiều cơ hội và thách thức. Một mặt tạo thuận lợi mạnh mẽ cho việc xuất khẩu hàng hoá trong nước, một mặt khiến sản phẩm nội địa nói chung và nông sản Việt Nam nói riêng đứng trước sức ép cạnh tranh lớn từ hàng hoá nhập khẩu trong khu vực và quốc tế. Để có thể tận dụng được thuận lợi trong xu thế thương mại tự do, đòi hỏi sản xuất nông nghiệp Việt Nam phải được phát triển bền vững, năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phần lớn các nước đều đưa đất nông nghiệp vào đối tượng chịu thuế tài sản (như: Canada, Argentina; Chi-lê, Mê-xi-cô, Ấn Độ) hoặc thuế nhà, đất (như Indonexia) hoặc thuế đất (như Úc, Đức, Thái lan). Một số ít nước ban hành Luật thuế riêng về SĐĐNN tương tự Việt Nam (như: *Albania, Bulgari, Georgia, Ba lan, Trung Quốc...*).

Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế¹ mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SĐĐNN khác nhau: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (*Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...*); miễn một phần hay toàn bộ số thuế phải nộp (*Úc, Ba Lan, Colombia, Nicaragua, Cộng hòa Domenica, Campuchia, Mông Cổ...*), hay không đưa đất sử dụng sản xuất nông nghiệp vào diện chịu thuế (*Thụy Điển, Italia, Anh,...*).

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp², trợ cấp nông nghiệp³ thì miễn thuế SĐĐNN được sử dụng chủ yếu như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực. Việc miễn thuế SĐĐNN cũng không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam về thuế trong Hiệp định nông nghiệp của WTO, Hiệp định EVFTA và CPTTP.

¹ Việc miễn thuế đất nông nghiệp được coi là hiệu quả và hợp lý do thuế đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân thường có số thu nhỏ, chi phí thu, nộp và quản lý cao (như Tan-za-ni-a, Tuy-ni-zi).

² Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc).

³ Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU's Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai.



Như vậy, việc miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

g) Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDĐNN

Việc quản lý thu thuế SDĐNN hiện nay đã được quy định cụ thể, chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật nhằm hiệu quả hoá công tác quản lý thuế. Theo đó, người nộp thuế SDĐNN nộp hồ sơ khai thuế cho Chi cục thuế nơi có đất chịu thuế SDĐNN. Trường hợp trong năm có phát sinh tăng, giảm diện tích chịu thuế SDĐNN thì người nộp thuế phải nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là mười ngày kể từ ngày phát sinh tăng, giảm diện tích đất. Trường hợp được miễn hoặc giảm thuế SDĐNN thì người nộp thuế vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế SDĐNN cùng giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế, giảm thuế của năm đầu tiên và năm tiếp theo năm hết thời hạn miễn thuế, giảm thuế.

Ngoài ra, thông qua việc kê khai xác định số thuế SDĐNN được miễn, giảm, Nhà nước kiểm soát và quản lý việc SDĐNN tới từng xã; nắm được sự biến động và tình hình quản lý, SDĐNN ở từng địa phương, trực tiếp phục vụ cho việc quản lý nhà nước về đất đai; chính quyền các cấp đã nắm bắt được hiện trạng đất đai, phát huy tốt vai trò của chính quyền địa phương trong quản lý đất đai, góp phần kiểm soát được quỹ đất hiện có, tạo điều kiện thực hiện quản lý nhà nước về đất đai, hạn chế tình trạng giảm diện tích đất nông nghiệp. Kết quả này có được từ sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp. Bên cạnh đó, chủ trương miễn, giảm thuế SDĐNN nhận được sự đồng thuận rộng rãi trong dư luận nên công tác quản lý thuế SDĐNN trên cả nước có nhiều thuận lợi.

2. Về hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, việc miễn, giảm thuế SDĐNN thời gian qua cũng có một vài hạn chế như sau:

- Việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua đã làm giảm thu ngân sách nhà nước, cụ thể: Tổng số thuế miễn, giảm giai đoạn 2003 - 2010 trung bình khoảng 3.263 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011 - 2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2016 - 2018 và dự kiến đến hết năm 2020 khoảng 9.770 tỷ đồng/năm. Tuy nhiên, đây là giải pháp góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa, giảm bớt khó khăn cho người nông dân, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững; và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế với việc các hiệp định tự do thương mại song phương, đa phương, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN có thể được xem là một dạng trợ cấp chính phủ. Trợ cấp chính phủ đối với ngành sản xuất, bất kể là trong nước hay xuất khẩu đều sẽ tạo cho các doanh nghiệp

được trợ cấp lợi thế cạnh tranh không lành mạnh, tạo ra lợi ích không hợp lý giữa các chủ thể cùng tham gia hoạt động kinh doanh. Đặc biệt trong bối cảnh thực hiện thương mại quốc tế, trợ cấp chính phủ hay ưu đãi quốc gia được xem là phương pháp không phù hợp nhằm thúc đẩy lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm trong nước.

Tuy nhiên, trợ cấp chính phủ chỉ được xem là phương pháp cạnh tranh không lành mạnh khi chỉ mang tính ưu đãi riêng biệt đối với một doanh nghiệp, một nhóm doanh nghiệp hoặc một ngành, một khu vực cụ thể. Trong khi đó, chính sách miễn thuế SDDNN được áp dụng chung cho tất cả các đối tượng, chỉ mang tính khuyến khích phát triển, không nhằm mục đích trực tiếp cắt giảm chi phí hay mang lại lợi thế trực tiếp cho ngành sản xuất nông nghiệp Việt Nam nên không được xem là trợ cấp chính phủ nhằm mục đích ưu đãi cho sản phẩm nội địa.

- Do thực hiện miễn thuế SDDNN đối với hầu hết các đối tượng nên số thu không đáng kể từ đó ảnh hưởng đến công tác quản lý đất nông nghiệp do phải theo dõi chi tiết đến từng thửa ruộng, hạng đất nên việc lập sổ theo dõi hàng năm tốn nhiều thời gian, công sức, chi phí lớn. Tuy nhiên, chính sách miễn thuế SDDNN là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, có ý nghĩa quan trọng đối với nông nghiệp, nông dân nên cần phải tiếp tục được duy trì.

III. Đề xuất, kiến nghị:

Theo quy định hiện hành thì chính sách thuế SDDNN đang được miễn đến hết 31/12/2020 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 và Nghị quyết số 28/2016/QH14 để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDDNN.

Việc miễn thuế SDDNN trong thời gian qua là giải pháp góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa, giảm bớt khó khăn cho người nông dân, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững; và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, việc quy định miễn thuế SDDNN không gây xung đột, vướng mắc trong quan hệ thương mại với các nước, không vi phạm các cam kết quốc tế của Việt Nam khi gia nhập WTO.

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDDNN, đề nghị tiếp tục thực hiện miễn thuế SDDNN cho giai đoạn tiếp theo (2021-2030).

Bên cạnh đó cũng cần tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp khác để khuyến khích SDDNN có hiệu quả như tăng cường công tác quản lý đất nông nghiệp, kiên quyết thu hồi diện tích đất nông nghiệp không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, giao khoán, cho thuê, cho mượn trái pháp luật, bị lấn, bị chiếm theo quy định của Luật đất đai để tạo quỹ đất giao, cho thuê đối với hộ gia đình, cá nhân.

Trên đây là những nội dung cơ bản về tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được cũng như kiến nghị trong quá trình thực hiện chính sách việc miễn, giảm thuế SDDNN trong thời gian qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

BÁO CÁO KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Về chính sách thuế liên quan đến đất đai

Hệ thống chính sách thuế liên quan đến đất đai của các nước cũng được chia thành 3 nhóm: (i) thuế đánh khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đất đai (như thuế đăng ký tài sản); (ii) thuế thu hàng năm, đánh vào quá trình sử dụng tài sản (như thuế tài sản, thuế bất động sản, thuế nhà, đất) và thuế thu khi chuyển nhượng đất đai (như thuế chuyển nhượng bất động sản, thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản).

Đối với khoản thuế thu hàng năm, trong quá trình sử dụng tài sản, hiện trên thế giới có 174/193 nước thực hiện thu thuế với các tên gọi khác nhau, trong đó có 65 nước sử dụng tên gọi là thuế tài sản, đối tượng chịu thuế là nhà và đất hoặc chỉ có đất (như Hồng Kông, Ấn Độ, Nhật Bản, Serbia, Slovenia, Canada, Puerto Rico, Pháp, Hoa Kỳ, Thụy Sĩ...); 51 nước sử dụng tên gọi là thuế bất động sản; 30 nước sử dụng tên gọi là thuế đất; và một số nước sử dụng tên là thuế sử dụng đất hoặc thuế nhà, đất. Đối với đất nông nghiệp, phần lớn các nước đều đánh thuế trong quá trình sử dụng đất nông nghiệp (thu hàng năm) dưới dạng thuế tài sản/thuế động sản (như: Canada, Argentina; Chi-lê, Mê-xi-cô, Ấn Độ) hoặc thuế nhà, đất (như Indonexia) hoặc thuế đất (như Úc, Đức, Thái lan). Một số ít nước ban hành Luật thuế riêng về SĐDN tương tự Việt Nam (như: Albania, Bulgari, Georgia, Ba lan, Trung Quốc...).

Ở phần lớn các quốc gia, ưu đãi thuế dành riêng cho đất nông nghiệp được áp dụng khá phổ biến để hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp. Các ưu đãi thuế đối với đất nông nghiệp được áp dụng theo hình thức miễn, giảm thuế hoàn toàn và miễn, giảm thuế có thời hạn. Đất nông nghiệp và đất rừng được miễn thuế tài sản ở Bulgary và Phần Lan. Ở Armenia và Estonia, tài sản được sử dụng trong nghiên cứu nông nghiệp được miễn thuế. Ở Georgia, Litva, Ba Lan, đất tái canh (recultivated land) hoặc để sử dụng đất nông nghiệp cho mục đích thâm canh hơn thì được miễn thuế tạm thời. Ở Pháp, tài sản nông nghiệp và rừng được miễn thuế đất và thuế xây dựng. Ở Ý, tài sản nông thôn được miễn thuế bất động sản. Đất rừng được miễn thuế ở Litva. Ở Hà Lan, đất nông nghiệp và lâm nghiệp, bao gồm cả đất làm vườn được miễn thuế. Ở Ba Lan, các tòa nhà sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp được miễn thuế. Tài sản của doanh nghiệp nông nghiệp được miễn thuế ở Nga. Ở Anh, đất nông nghiệp và lâm nghiệp được miễn thuế¹.

¹ United Nations Human Settlements Programme Nairobi 2013, "Property tax regimes in Europe".



Để có một bức tranh tổng thể, báo cáo này sẽ đưa ra kinh nghiệm của các nước về việc thu thuế đối với đất nói chung, trong đó có việc thu thuế đối với đất nông nghiệp tại các sắc thuế liên quan đến đất (thuế tài sản hoặc thuế bất động sản hoặc thuế nhà, đất hoặc thuế đất và hoặc sắc thuế riêng đối với việc sử dụng đất nông nghiệp). Cụ thể như sau:

I. Chính sách thuế riêng đối với đất nông nghiệp ở một số nước trên thế giới (2 nước là Ba Lan, Trung Quốc)

1. Ba Lan:

Ở Ba Lan có 3 loại thuế đánh vào nhà, đất, bao gồm: thuế bất động sản thành thị hay còn gọi là thuế bất động sản (không bao gồm đất nông nghiệp), thuế nông nghiệp và thuế rừng, trong đó thuế bất động sản có vai trò quan trọng nhất. Chính quyền địa phương quy định thuế suất thuế bất động sản và thuế nông nghiệp trong khung do chính quyền trung ương quy định.

Trong phần này chỉ trình bày thuế nông nghiệp và thuế rừng (chính sách thuế riêng đối với tài sản nông nghiệp tại Ba Lan (Đối với thuế bất động sản sẽ được trình bày tại mục III dưới đây).

- Thuế nông nghiệp:

+ Đối tượng nộp thuế: chủ sở hữu của tài sản nông nghiệp (bao gồm đất nông nghiệp).

+ Cách tính thuế: Thuế nông nghiệp được tính dựa trên một hecta quy đổi, được tính bằng số hecta thực tế nhân với hệ số điều chỉnh (hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên độ màu mỡ của đất, vị trí đất và loại hình trồng trọt). Độ màu mỡ của đất được xác định căn cứ vào thông tin về địa chính, còn vị trí đất do Bộ Tài chính quyết định. Căn cứ vào điều kiện kinh tế và điều kiện sản xuất (khí hậu), đất đai ở Ba Lan được chia thành bốn khu vực.

+ Ưu đãi thuế: các loại đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế bao gồm: đất canh tác (arable land); đất ruộng, đồng cỏ với hệ thống thoát nước; đất canh tác đã ngừng sản xuất trong 03 năm; đất đã từng là đất hoang và được đưa vào canh tác được miễn thuế trong vòng 05 năm và trong 02 năm tiếp sẽ được giảm thuế; đất bỏ hoang (waste land); đất không có giá trị cho hoạt động nông nghiệp, đất dưới sự quản lý của Chính phủ hoặc chính quyền địa phương, đất dọc khu vực biên giới.

- Thuế rừng: cũng được tính trên một hecta quy đổi được xác định tương tự trường hợp thuế nông nghiệp nhằm phản ánh độ màu mỡ của đất và các loài cây trồng quy định trong kế hoạch quản lý rừng.

2. Trung Quốc

Trung Quốc có ban hành chính sách thuế SDDNN riêng để thu đối với quá trình sử dụng đất nông nghiệp. Ngoài chính sách thuế SDDNN, Trung Quốc còn thực hiện thu 2 sắc thuế theo hình thức là khoản thu định kỳ hàng năm là thuế sử dụng đất đô thị và thuế nhà ở (đang áp dụng thí điểm).

Phần này chỉ trình bày chính sách thuế SDĐNN, còn thuế sử dụng đất đô thị và thuế nhà ở sẽ được trình bày ở mục II dưới đây. Cụ thể chính sách thuế SDĐNN ở Trung Quốc như sau:

- Theo “Điều lệ tạm thời về thuế SDĐNN của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” do Quốc Vụ viện Trung Quốc ban hành ngày 01/12/2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018, đối tượng nộp thuế là cá nhân hoặc tổ chức sử dụng đất nông nghiệp. Đối tượng chịu thuế là đất nông nghiệp.

- Cơ sở tính thuế và mức thuế suất đối với đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp được quy định như sau: (i) Đất nông nghiệp ở khu vực không quá 1 mẫu (666,7 m²): 10 - 50 NDT; (ii) Đất nông nghiệp ở khu vực trên 1 mẫu nhưng không quá 2 mẫu: 8 - 40 NDT; (iii) Đất nông nghiệp ở khu vực trên 2 mẫu nhưng không quá 3 mẫu: 6 - 30 NDT; (iv) Đất nông nghiệp ở khu vực trên 3 mẫu: 5 - 25 NDT. Các đặc khu kinh tế, các khu vực phát triển kinh tế hoặc các khu vực phát triển có diện tích đất trồng trọt thấp so với đầu người thì có thể tăng mức thuế, tuy nhiên mức thuế không được vượt quá 50% mức theo quy định.

- Một số trường hợp được miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp bao gồm:

(i) Đất nông nghiệp dùng phục vụ mục đích quân sự; dùng cho trường học, nhà mẫu giáo, nhà dưỡng lão, bệnh viện. Xây dựng công trình trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp thì không thu thuế sử dụng đất trồng trọt.

(ii) Việc sử dụng đất nông nghiệp dùng cho đường sắt, đường bộ; đường băng, sân đỗ máy bay, cảng hàng không, đường dẫn sân bay thì được giảm mỗi m² là 2 NDT tiền thuế.

(iii) Dùng cho xây dựng nhà ở của người dân khu vực nông thôn thì giảm một nửa tiền thuế.

(iv) Người nhà liệt sỹ ở nông thôn, thương bệnh binh, người già neo đơn, và người ở khu vực căn cứ cách mạng cũ, khu vực người dân tộc thiểu số và khu vực vùng cao biên giới xa xôi có điều kiện sinh sống khó khăn, khi sử dụng đất nông nghiệp cho xây dựng nhà ở gặp khó khăn trong việc nộp thuế thì có thể thông qua chính quyền nhân dân địa phương báo cáo chính quyền cấp huyện phê duyệt miễn hoặc giảm nộp thuế.

II. Chính sách thuế đối với đất nông nghiệp trong chính sách thuế nhà, đất hoặc thuế đất hoặc thuế sử dụng đất ở một số nước trên thế giới (7 nước)

1. In-đô-nê-xi-a

Thuế nhà, đất ở In-đô-nê-xi-a là sắc thuế đánh vào đất (bao gồm cả đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp) và nhà. Đối tượng nộp thuế bao gồm cả người sở hữu và/hoặc người hưởng lợi từ nhà và đất. Thuế nhà, đất được đánh dựa trên giá trị giao dịch của nhà, đất do cơ quan thuế quyết định. Việc đánh giá nhà, đất được thực hiện 3 năm 1 lần, đối với các khu vực phát triển nhanh thì việc đánh

giá nhà, đất có thể thực hiện hàng năm. Cơ quan thuế được quyền linh hoạt trong việc lựa chọn các kỹ thuật định giá. Trừ các trường hợp tài sản đặc biệt, có giá trị cao, hầu hết các tài sản được định giá thông qua một hệ thống đánh giá phổ thông đơn giản, theo đó giá trị của đất được tính theo giá ghi sổ và giá trị nhà được tính theo phân loại nhà, tài sản trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và khai khoáng được định giá thông qua phương pháp tiếp cận thu nhập.

Quy trình định giá đất dựa trên phương pháp tiếp cận “nhóm giá đất tương đương”, theo đó, đất đai được phân chia thành các nhóm khác nhau dựa trên giá bán trung bình một m² do cơ quan thuế quyết định. Tất cả các mảnh đất nằm trong một nhóm được định giá bằng cách nhân diện tích đất với đơn giá trung bình của nhóm. Giá trị nhà được định giá dựa trên phương pháp tiếp cận chi phí, sử dụng bảng chi phí do cơ quan thuế quyết định. Tổng giá trị nhà, đất chịu thuế là tổng giá trị đất và nhà cộng lại.

Thuế suất thuế nhà, đất do chính quyền trung ương quyết định với mức thuế suất là 0,5% tính trên giá trị đất đai và tài sản đi liền với đất. Mức thuế suất này được áp dụng thống nhất trong cả nước và đối với mọi loại nhà, đất (bao gồm cả đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp). Luật thuế nhà, đất quy định một tỷ lệ ấn định (assessment rate) áp dụng đối với giá trị nhà, đất để xác định giá trị tính thuế cuối cùng. Tỷ lệ ấn định này nằm trong khoảng từ 20% đến 100% và được quy định bởi sắc lệnh của Tổng thống. Việc áp dụng tỷ lệ ấn định với mức thuế suất đã tạo ra mức thuế suất thực tế từ 0,1% đến 0,2% (trong khi mức thuế suất danh nghĩa quy định trong Luật là 0,5%).

Các loại đất sau được miễn thuế nhà, đất: Đất, nhà được sử dụng bởi các cơ quan chính quyền với mục đích quản lý nhà nước; Đất, nhà được sử dụng cho các mục đích: tôn giáo, xã hội, sức khỏe, giáo dục, văn hóa quốc gia và không được sử dụng với mục đích kinh doanh; Đất, nhà được sử dụng với mục đích nghĩa trang, di sản cổ hoặc tương tự; Đất, nhà được sử dụng bởi các cơ quan đại diện ngoại giao của các tổ chức quốc tế được quyết định bởi Bộ Tài chính; Đất rừng phòng hộ, rừng bảo tồn thiên nhiên, rừng du lịch, công viên quốc gia.

Thuế nhà đất của In-đô-nê-xi-a được trả hàng năm và được quản lý bởi văn phòng thuế địa phương của Tổng cục thuế².

2. Thái Lan:

Tại Thái Lan³, vào ngày 16/11/2018, Quốc hội Thái Lan đã thông qua Luật thuế đất và công trình trên đất (Land and Building Tax Act), có hiệu lực từ 01/01/2020 thay thế cho Luật thuế Phát triển địa phương số B.E.2508 và Luật thuế đất và nhà ở số B.E.2475. Mục đích của việc cải cách ban hành luật mới là nhằm: (i) Thúc đẩy việc sử dụng đất cũng như việc xây dựng các công trình trên đất được hiệu quả hơn; (ii) Phân bổ nguồn thu thuế cho cấp chính quyền địa

² Direktorat Jenderal Pajak, Kementerian Keuangan Republik Indonesia

³ http://siampremier.com/wp-content/uploads/SPI_Newsletter_Issue_7_New-Land-and-Building-Tax-Act-approved.pdf

phương; (iii) Khắc phục những bất cập của các quy định hiện hành.

- Đối tượng chịu thuế đất và công trình trên đất (bao gồm cả đất nông nghiệp) được phân chia theo mục đích sử dụng đất (04 hạng mục): 1) Nông nghiệp; 2) Đẻ ở; 3) Thương mại và công nghiệp và 4) Đất không sử dụng. Việc phân loại này giúp cho việc đánh giá, xác định thuế theo đúng tiêu chuẩn, theo từng mục đích sử dụng đất khác nhau nhằm đảm bảo tính rõ ràng trong các phương thức tính thuế và đảm bảo tính công bằng giữa các đối tượng liên quan.

- Đối tượng nộp thuế là một cá nhân hoặc một pháp nhân sở hữu đất hoặc tài sản vào ngày 01/01 của năm tính thuế.

- Thuế suất: Bộ Nội vụ Thái Lan quy định khung thuế suất thuế áp dụng cho tất cả các địa phương trên cả nước, mức thuế suất lũy tiến tùy thuộc vào giá trị được đất được xác định để tính thuế và được áp dụng trong vòng 4 năm.

Cơ sở tính thuế và mức thuế suất đối với tài sản có mục đích sử dụng đất nông nghiệp được quy định như sau:

Mục đích sử dụng	Giá trị thẩm định (Bạt)	Thuế suất
1. Nông nghiệp	0-75 triệu	0,01%
	75-100 triệu	0,03%
	100-500 triệu	0,05%
	500 triệu – 1 tỷ	0,07%
	Trên 1 tỷ	0,1%
2. Đất chưa được sử dụng (mức thuế suất sẽ tăng 0,3%/năm trong 03 năm nếu đất và tài sản trên đất chưa được sử dụng)	0-50 triệu	0,3%
	50-200 triệu	0,4%
	200 triệu – 1 tỷ	0,5%
	1 tỷ - 5 tỷ	0,6%
	Trên 5 tỷ	0,7%

Chú thích: Mức thuế suất sẽ được áp dụng vào 02 năm đầu thực hiện (2020-2021) từ ngày Luật mới có hiệu lực và có thể thay đổi trong những năm sau⁴.

- Miễn thuế, giảm thuế: Luật thuế đất và công trình trên đất quy định miễn thuế đối với đất hoặc công trình trên đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định và ngưỡng giá trị được miễn thuế. Cụ thể:

+ Trong giai đoạn 2020-2022: Đất hoặc công trình trên đất do một cá

⁴Nguồn: http://stampremier.com/wp-content/uploads/SPI_Newsletter_Issue_7_New-Land-and-Building-Tax-Act-approved.pdf

nhân sở hữu và được sử dụng cho mục đích nông nghiệp được miễn thuế.

+ Từ năm 2023 trở đi, đất hoặc công trình trên đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp mà có giá trị tối đa là 50 triệu Bạt sẽ được miễn thuế nếu đất hoặc công trình trên đất do cá nhân sở hữu.

3. Úc (land tax):

Úc là quốc gia theo thể chế liên bang với ba cấp chính quyền: chính quyền liên bang, chính quyền bang và chính quyền địa phương. Theo luật pháp của bang và vùng lãnh thổ, chính quyền địa phương ở mỗi bang (chính quyền của vùng lãnh thổ) được quyền đánh thuế đất đai.

Cơ sở đánh thuế: Thuế đất đai là một loại thuế của bang đánh trên quyền sở hữu đất. Thuế đất đai được đánh trên giá trị đất chưa cải tạo. Đất đai thuộc sở hữu của các tổ chức tôn giáo và trường học được miễn thuế ở tất cả các bang. Đất được sử dụng cho sản xuất các hàng hóa cơ bản cũng được miễn thuế ở hầu hết các bang.

Thuế suất: Thuế suất áp dụng đối với đất đai khác nhau tùy thuộc vào mục đích sử dụng đất. Thông thường, đất nông nghiệp có mức thuế suất thấp hơn tùy từng địa phương.

Thuế suất thuế địa phương được xác định trên cơ sở yêu cầu về nguồn thu của ngân sách địa phương và bao gồm mức thuế suất chung đối với tất cả các chủ sở hữu tài sản hoặc các mức thuế suất cụ thể áp dụng cho một mục đích đặc biệt, chẳng hạn như nâng cấp cơ sở hạ tầng. Ví dụ ở bang New South Wales, thuế suất thông thường được xác định ở mức đủ trang trải các chi phí cơ bản của chính quyền địa phương; thuế suất đặc biệt dùng để trang trải các dịch vụ do chính quyền địa phương cung cấp hoặc dùng cho những mục đích đặc biệt như cấp thoát nước. Thuế suất thông thường có thể khác nhau tùy thuộc vào loại đất.

Đối với đất nông nghiệp, Luật thuế đất quy định đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp đều phải chịu thuế. Tùy theo giá trị của đất mà có các cách tính thuế khác nhau nhưng thuế suất cơ bản có cách tính như sau: thuế đất được tính toán dựa trên giá trị của đất trừ (-) đi ngưỡng chịu thuế (năm 2015 là 432.000 USD) và nhân (x) 1,6% cộng (+) 100\$. Đất dụng cho sản xuất các sản phẩm nông nghiệp trong khu vực nông nghiệp, khu dân cư nông thôn hoặc đất không thuộc vùng đô thị (đất dùng để nuôi động vật, phát triển nhân giống các con vật; trồng cây; nuôi ong, trồng hoa, hoa lan, nấm; nuôi cá, trang trại cá, hải sản; vườn ươm) sẽ được miễn thuế đất.

4. Trung Quốc

Ngoài thuế SDĐNN là sắc thuế riêng đánh đối với đất nông nghiệp. Trung Quốc còn thực hiện thu thuế sử dụng đất đô thị và thuế nhà ở (đang thí điểm áp dụng). Mặc dù 2 sắc thuế này không liên quan đến đất nông nghiệp, tuy nhiên để có bức tranh tổng thể về chính sách thuế liên quan đến đất đai, bất động sản, tại phần này vẫn trình bày 2 sắc thuế này của Trung Quốc. Cụ thể:

a) Thuế sử dụng đất đô thị (Urban land utilization taxes)⁵

Đối tượng chịu thuế là đất ở, đất sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất tại khu vực đô thị, nông thôn, thị trấn, khu mỏ.

Đối tượng nộp thuế là các cá nhân (gồm hộ kinh doanh và cá nhân khác); doanh nghiệp gồm doanh nghiệp quốc doanh, doanh nghiệp tập thể, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nước ngoài và đơn vị sự nghiệp, cơ quan nhà nước, quân đội và các đơn vị khác.

Thuế suất và căn cứ tính thuế: Thuế suất tính theo diện tích đất thực tế sử dụng và từng khu vực⁶: (i) Từ 1,5 NDT đến 30NDT /m² đối với đất đô thị lớn; (ii) Từ 1,2 NDT đến 24NDT /m² đối với đất đô thị trung bình; (iii) Từ 0,9 NDT đến 18NDT /m² đối với đất đô thị nhỏ; (iv) Từ 0,6 NDT đến 12NDT /m² đối với đất thị trấn và khu mỏ

Đối tượng được miễn thuế: (i) Đất của cơ quan nhà nước, tập thể nhân dân, đất quân đội tự sử dụng; (ii) Đất các đơn vị được cơ quan tài chính quốc gia cấp kinh phí sự nghiệp tự sử dụng; (iii) Đất đền thờ tôn giáo, công viên, di tích danh lam lịch sử tự sử dụng; (iv) Đường thành thị, quảng trường, các công trình công cộng; (v) Đất dùng trực tiếp để sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, chăn nuôi; (vi) Đất hoang bỏ được mở rộng cải tạo, tính từ khi đất bắt đầu được sử dụng được miễn thuế 5 đến 10 năm; (v) Đất công trình thủy lợi, giao thông, năng lượng... được Bộ Tài chính quy định miễn thuế.

Trường hợp được giảm thuế: Đất tại các khu vực kinh tế khó khăn lạc hậu sau khi được tỉnh, khu tự trị, chính phủ nhân dân thị trấn trực thuộc phê duyệt sẽ được giảm thuế. Tuy nhiên, mức giảm thuế không được thấp hơn 30% khung thuế tuyệt đối. Đối tượng nộp thuế thực sự có khó khăn cần định kỳ miễn giảm thuế, phải được cơ quan thuế cấp tỉnh, khu tự trị cơ quan, thành phố trực thuộc kiểm định, trình Tổng cục thuế phê duyệt được miễn thuế.

Quản lý thu thuế: Việc thu thuế sử dụng đất đô thị do cơ quan thuế địa phương phụ trách thu. Cơ quan quản lý đất cần phải cung cấp tài liệu, quyền sử dụng đất cho cơ quan thuế địa phương.

b) Thuế nhà ở (building taxes)

Trung Quốc hiện mới đang áp dụng thí điểm thuế nhà ở tại 02 thành phố lớn là Thượng Hải và Thâm Quyển bắt đầu từ ngày 28/01/2017. Tại Thành phố Thượng Hải, Thông báo về “Biện pháp tạm thời thí điểm triển khai thu thuế nhà

⁵ Pháp lệnh số 483 năm 2016 của Quốc vụ viện về Quyết định sửa đổi Điều lệ tạm thời thuế sử dụng đất đô thị nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa

中华人民共和国国务院关于修改《中华人民共和国城镇土地使用税暂行条例》的决定 <http://www.chinatax.gov.cn/n810341/n810765/n812183/n812821/c1195447/content.html>

⁶ Căn cứ theo khung thuế tuyệt đối, chính quyền nhân dân địa phương tùy theo tình hình kiến thiết thành phố, mức độ phát triển kinh tế và các điều kiện khác quyết định mức thuế cụ thể tại địa phương. Đất tại các khu vực có nền kinh tế phát triển, chính quyền địa phương được phép nâng mức thuế cao hơn khung thuế tuyệt đối nêu trên, tuy nhiên bắt buộc phải trình báo Bộ Tài chính xin phê duyệt. (Điều 4 -5, Điều lệ tạm thời thuế sử dụng đất đô thị nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa)

ở đối với một bộ phận cá nhân tại Thành phố Thượng Hải”⁷ đã quy định cụ thể như sau:

Đối tượng chịu thuế: Các gia đình ở thành phố Thượng Hải mua căn hộ thứ 02 trở lên và người không phải cư dân thành phố mua nhà tại thành phố. Nhà được mua không phân biệt là nhà mua lại hoặc nhà được xây mới. Người nộp thuế là người đứng tên chủ sở hữu nhà. Người sở hữu nhà chưa đủ tuổi vị thành niên thì do người giám hộ theo pháp luật là người nộp thuế.

Thuế suất: Thuế suất thí điểm là 0,6%. Nếu căn hộ phải đánh thuế có giá trên mỗi mét vuông (m^2) thấp hơn 02 lần giá giao dịch bình quân trên thị trường của các căn hộ thương mại xây mới của năm trước thì thuế suất là 0,4%.⁸ Giá căn hộ thương mại giao dịch bình quân trên thị trường được thành phố công bố hàng năm.

Căn cứ tính thuế dựa vào giá ước lượng theo giá thị trường nhà đất của căn nhà phải nộp thuế. Giá ước lượng được đánh giá lại theo chu kỳ được quy định. Trong thời gian thí điểm, tạm lấy giá giao dịch trên thị trường của căn nhà để làm căn cứ tính thuế.

Miễn thuế: Thuế thu đối với căn hộ thứ 2 trở đi, mà tổng diện tích sử dụng của nhà ở tất cả các căn nhà của cả hộ gia đình có diện tích bình quân mỗi người dưới $60m^2$ (gồm $60m^2$) thì miễn thuế. Phần diện tích trên $60m^2$ áp dụng thu thuế theo quy định.

5. Estonia⁹

Thuế suất đối với đất được áp dụng theo Đạo Luật thuế đất đại quốc gia và nằm trong khoảng 0,1% đến 2,5% trên giá trị tính thuế của đất hàng năm. Riêng thuế suất đối với đất nông nghiệp được canh tác để sản xuất nông sản là 0,1%-2% giá trị đánh giá của đất hàng năm. Gánh nặng thuế đối với nhà sản xuất nông nghiệp khác nhau ở các vùng của Estonia. Theo thông tin từ Cơ quan Hải quan và Thuế Estonia (the Estonian Tax and Customs Board) cho thấy mức thuế suất mà hầu hết các cơ quan áp dụng đối với việc sản xuất sản phẩm nông nghiệp và đồng cỏ tự nhiên là 2%. Trước đây, việc giảm thuế chủ yếu dành cho đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp nơi mà việc sử dụng đất bị hạn chế. Mức giảm thuế là 25%, 50% và 75% phụ thuộc vào mức độ sử dụng đất bị hạn chế¹⁰.

6. Nga¹¹:

Thuế đất được tổ chức thu bởi chính quyền địa phương, trên cơ sở thuế suất tối đa được quy định trong luật các địa phương có thể linh hoạt đưa ra các mức thuế suất. Thuế được thu theo năm.

⁷上海市开展对部分个人住房征收房产税试点的暂行办法<http://www.shanghai.gov.cn/nw2/nw2314/nw2319/nw10800/nw11407/nw25262/u26aw24523.html>

⁸Thuế suất ở Thâm Quyền theo các mức từ 0,5 đến 1,2%

⁹ OECD (2016), “*Innovation, Agricultural Productivity and Sustainability in Estonia*”. OECD Food and Agricultural Reviews.

¹⁰ https://www.lincolinst.edu/sites/default/files/pubfiles/brown_wp02pb1.pdf

¹¹ <http://www.awarablogs.com/land-tax-in-russia/>

Đối tượng chịu thuế đất bao gồm: Đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp; Đất ở; Đất công nghiệp, đất công trình giao thông, điện, truyền thông, phát thanh, công nghệ thông tin, hỗ trợ hoạt động không gian, quốc phòng, đất an ninh và đất dùng vào các mục đích đặc biệt khác; Đất trong vùng được bảo tồn đặc biệt; Đất rừng; Đất trữ nước; Đất bảo tồn.

Luật đất đai liên bang đặt mức tỷ lệ trung bình cho mỗi một khu kinh tế của Nga (có tổng cộng 11 khu kinh tế) và mười loại quy mô đô thị và khu định cư. Luật cũng quy định các hệ số điều chỉnh cho các khu nghỉ dưỡng, giải trí và các thành phố hiện đại (ví dụ: khu vực thủ đô). Dựa trên tỷ lệ trung bình, chính quyền địa phương thiết lập mức thuế suất khác biệt cho các khu đô thị cụ thể tùy thuộc vào vị trí, khoảng cách đến trung tâm thành phố, mức độ phát triển, môi trường, địa chất và đặc điểm. Nếu tỷ lệ các mảnh đất vượt quá định mức tiêu chuẩn hàng năm của thành phố thì sẽ bị đánh thuế ở mức thuế suất gấp đôi bình thường.

Luật đất đai liên bang còn quy định mức thuế suất thấp nhất cho đất ở hàng năm. Năm 2000, mức thuế suất thấp nhất này là 0,14 RUR (tương đương 0,05 USD) trên $1m^2$.

Đối với đất nông nghiệp (Đất dùng để sản xuất nông nghiệp, trang trại, trồng trọt, làm vườn, chăn nuôi) thuộc đối tượng chịu thuế đất. Cụ thể như sau:

- Có 02 cách xác định giá tính thuế: (i) được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định dựa trên giá trị địa chính của thửa đất; (ii) định giá đất độc lập.

- Thuế suất: Áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn so với các loại đất sử dụng cho mục đích khác. Cụ thể: đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp được áp mức thuế suất 0,3% còn đất sử dụng cho mục đích khác được áp mức thuế suất 1,5%.

- Ưu đãi thuế:

+ Việc miễn thuế đất áp dụng cho: (i) Người sử dụng đất cần tái canh tác trong vòng 10 năm đầu sử dụng; (ii) Các cá nhân bắt đầu vận hành một trang trại với việc miễn thuế 05 năm sau khi đất được trao cho họ.

+ Đất rừng được miễn thuế đất.

7. Moldova¹²:

Thuế đất đánh vào việc sở hữu và sử dụng đất (bao gồm cả đất nông nghiệp). Mức thuế suất cũng khác biệt phụ thuộc vào việc sử dụng đất. Đối với đất nông nghiệp, thuế suất nằm trong khoảng từ 2,28 roubles và 16,79 roubles/một héc ta. Mức thuế suất được cố định cho khoảng thời gian là 03 năm.

¹² https://www.lincolnst.edu/sites/default/files/pubfiles/brown_wp02pb1.pdf

III. Chính sách thu thuế đối với đất nông nghiệp trong chính sách thuế tài sản hoặc thuế bất động sản ở một số nước trên thế giới

1. Ba Lan¹³

Ở Ba Lan có 3 loại thuế đánh vào nhà, đất, bao gồm: thuế bất động sản thành thị hay còn gọi là thuế bất động sản (không bao gồm đất nông nghiệp). Trong phần I đã trình bày chính sách thuế nông nghiệp và thuế rừng. Phần này sẽ trình bày chính sách thuế bất động sản của Ba Lan để có bức tranh tổng thể về các chính sách thuế liên quan đến đất ở Ba Lan.

Thuế bất động sản ở Ba Lan có vai trò quan trọng nhất trong các chính sách thuế liên quan đến đất đai. Cụ thể như sau:

Thuế bất động sản được ban hành từ năm 1986 và được phân cấp cho chính quyền địa phương từ năm 1991. Thuế bất động sản được đánh trên tất cả các loại bất động sản trừ các tài sản thuộc diện chịu thuế nông nghiệp và thuế rừng. Tuy nhiên, khác với nhiều quốc gia thuộc hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, Ba Lan chưa bao giờ xóa bỏ quyền sở hữu tư nhân tuy nhiên vấn đề về sở hữu vẫn còn chưa rõ ràng. Điều này cũng gây khó khăn cho việc xây dựng thuế bất động sản dựa trên giá trị thị trường. Thuế bất động sản của Ba Lan được đánh không dựa trên giá trị mà trên diện tích đất và nhà (tính trên diện tích thực tế sử dụng, tức là trừ đi cầu thang, hành lang...). Nhà xưởng và máy móc được đánh thuế theo chi phí hình thành nên tài sản. Cơ sở đánh thuế được xem xét lại hàng năm. Thực tế, thuế bất động sản bao gồm ba thành phần: thuế đất, thuế nhà và thuế “công trình kiến trúc”.

Thuế bất động sản do chính quyền địa phương quản lý nhưng những thông tin cơ bản về bất động sản làm cơ sở cho việc xác định cơ sở đánh thuế được lưu trữ tại 2 cơ quan đăng ký trung ương là Cơ quan Thông tin nhà đất (cung cấp các thông tin địa chính như sơ đồ, diện tích, thông tin chi tiết về mảnh đất, mô tả tòa nhà...) và Cơ quan Đăng ký sở hữu đất (thông tin về chủ sở hữu mảnh đất/thông tin về người nộp thuế). Chính quyền địa phương quản lý và thu thuế bất động sản thông qua việc kết nối hồ sơ thuế với hai cơ quan này và thu thập thông tin về các tòa nhà/công trình xây dựng từ sở quy hoạch và kiến trúc địa phương. Thuế suất thuế bất động sản do chính quyền địa phương xác định hàng năm trong khung thuế suất tối thiểu - tối đa do chính quyền trung ương quy định.

Ba Lan cũng thực hiện nhiều chính sách miễn giảm đối với bất động sản sử dụng cho các mục đích công cộng như làm trụ sở của chính quyền địa phương, trường học, bệnh viện, các tổ chức từ thiện... cũng như tài sản của các nhóm tôn giáo, đường sắt và các phương tiện giao thông, đường ống dẫn và các di tích lịch sử. Ngoài ra, có rất nhiều “đặc khu kinh tế” cũng được miễn thuế bất động sản để thu hút đầu tư.

Chủ sở hữu tài sản có trách nhiệm nộp thuế bất động sản. Thuế tài sản

¹³ https://www.lincolnst.edu/sites/default/files/pubfiles/brown_wp02pb1.pdf

được nộp theo quý đối với chủ sở hữu là cá nhân và theo tháng nếu là doanh nghiệp. Doanh nghiệp có trách nhiệm tự kê khai thuế. Hầu hết các địa phương lớn chịu trách nhiệm thu thuế; đối với các địa phương nhỏ thì cơ quan thuế quốc gia có thể thực hiện việc thu.

Mức thuế suất bất động sản được quy định riêng ở mỗi địa phương dựa trên cơ sở mức thuế suất trần do BTC ban hành, cụ thể như sau:

- + Tòa nhà dân cư: 0,33%
- + Tòa nhà thương mại: 11,95%
- + Tòa nhà sử dụng với mục đích khác: 3,98%
- + Đất thương mại: 0,4%
- + Đất khác (không bao gồm đất nông nghiệp): 0,05%

2. Hàn Quốc¹⁴:

Hàn Quốc có 2 sắc thuế thu vào tài sản là thuế tài sản ở địa phương và thuế bất động sản ở Trung ương (thu thêm so với thuế địa phương).

a) *Thuế bất động sản ở trung ương*: Thuế bất động sản ở trung ương thu đối với đất (bao gồm cả đất nông nghiệp) và nhà ở, cụ thể:

- Đất là đối tượng chịu thuế chung (đất bỏ không) có ngưỡng chịu thuế là 500 triệu won. Giá trị tính thuế là phần giá trị vượt ngưỡng nhân với 0,8. Thuế suất lũy tiến như sau:

Giá trị tính thuế	Thuế suất
Từ 1,5 tỷ won trở xuống	0,75%
1,5-4,5 tỷ won	1,5%
Trên 4,5 tỷ won	2,0%

- Đất là đối tượng chịu thuế đặc biệt (đất có gắn liền với cửa hàng, văn phòng, tòa nhà...); trong đó bao gồm: đất trang trại (đất khô cằn, đồng cỏ, vườn cây ăn quả), đất rừng, đất chăn thả; đất được sử dụng làm sân golf cá nhân và các khu giải trí sang trọng, vv có ngưỡng chịu thuế là 8 tỷ won. Giá trị tính thuế là phần giá trị vượt ngưỡng nhân với 0,8. Thuế suất lũy tiến như sau:

Giá trị tính thuế	Thuế suất
Từ 20 tỷ won trở xuống	0,5%
20-40 tỷ won	0,6%
Trên 40 tỷ won	0,7%

¹⁴file:///M:/KOREAN_TAXATION_2016_%EA%B0%84%EB%9E%B5%EB%B2%84%EC%A0%84.pdf%20%EC%B5%9C%EC%A2%85%EB%B3%B8.pdf

- Nhà ở có ngưỡng chịu thuế là 600 triệu won. Giá trị tính thuế là phần giá trị vượt ngưỡng nhân với 0,8.

Giá trị tính thuế	Thuế suất
Từ 600 triệu won trở xuống	0,5%
600 triệu – 1,2 tỷ won	0,75%
1,2-5 tỷ won	1,0%
5-9,4 tỷ won	1,5%
Trên 9,4 tỷ won	2,0%

b) Thuế tài sản ở địa phương:

Thuế tài sản ở địa phương thu đối với đất (trong đó có đất nông nghiệp, vườn cây ăn quả, đất trồng cỏ, rừng), tòa nhà (buildings), nhà ở (houses), tàu, máy bay, cụ thể:

- Về giá tính thuế:

+ Đối với đất (bao gồm cả đất nông nghiệp) và nhà ở (houses): Giá trị tính thuế là giá trị chuẩn hiện tại của nhà và đất nhân với 60% (đối với nhà) và 70% (đối với đất).

+ Đối với tòa nhà (buildings): Giá trị tính thuế là giá trị chuẩn hiện tại nhân với 70%.

+ Đối với du thuyền và máy bay: Giá trị tính thuế là giá trị chuẩn hiện tại của tàu, máy bay.

- Về thuế suất:

Bảng 4. Biểu thuế suất thuế tài sản Hàn Quốc

Đất ở		Đất kinh doanh(đất xây dựng cao ốc, văn phòng...)		Đất nông nghiệp, sân gôn	
Giá trị tính thuế (triệu Won)	Thuế suất	Giá trị tính thuế (triệu Won)	Thuế suất	Loại đất	Thuế suất
Đến 50	0,2%	Đến 200	0,2%	Đất trang trại; Đất khô cằn, đồng lúa, vườn cây ăn quả, đồng cỏ	0,07%
Trên 50 - 100	0,3%	Trên 200 - 1000	0,3%	Đất làm sân gôn, khu giải trí cao cấp	4%
Trên 100	0,5%	Trên 1000	0,4%	Đất phục vụ mục đích khác	0,2%

Nhà văn phòng cao ốc		Nhà ở (không phải biệt thự)	
Loại nhà	Thuế suất	Giá trị tính thuế (triệu Won)	Thuế suất
Nhà trong sân golf và khu giải trí cao cấp	4%	Đến 60	0,1%
Nhà thuộc nhà máy trong khu dân cư	0,5%	Trên 60 - 150	0,15%
Nhà cho mục đích khác	0,25%	Trên 150 - 300	0,25%
Biệt thự	4%	Trên 300	0,4%

Nguồn: Korea taxation 2015.

Mức thuế suất áp dụng đối với du thuyền và máy bay là 0,3% (đối với du thuyền cao cấp là 5%)

(Như vậy, trong khi đất ở chịu thuế tài sản theo mức thuế suất lũy tiến đánh trên giá trị đất (có các mức thuế suất 0,2%; 0,3% và 0,5%), đất dùng cho xây dựng sân golf, khu vui chơi giải trí cao cấp chịu thuế suất là 4% và với mục đích khác là 0,2% thì đất nông nghiệp chỉ áp mức thuế suất là 0,07%. Mục đích của việc điều chỉnh giảm mức thuế suất đối với đất nông nghiệp nhằm thực hiện chính sách bảo tồn đất nông nghiệp của Hàn Quốc¹⁵).

- Về miễn thuế: Thuế tài sản được miễn nếu chủ sở hữu đất tham gia chương trình trợ cấp đất nông nghiệp với điều kiện đất nông nghiệp được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, đối với đất nông nghiệp ở Hàn Quốc còn được ưu đãi ở các chính sách khác như: Miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp nếu chủ sở hữu sống gần khu đất đó và sử dụng khu đất đó cho mục đích sản xuất nông nghiệp trong thời gian hơn 8 năm. Miễn thuế quà tặng nếu một nông dân chuyển nhượng đất nông nghiệp làm quà tặng cho một đứa trẻ nông dân (thông thường với những tài sản khác sẽ bị đánh thuế quà tặng với mức thuế suất lũy tiến 10%, 20%, 30%, 40% và 50%) - để đủ điều kiện được miễn thuế quà tặng thì đất nông nghiệp đó phải ở gần nông dân bố mẹ và đã được trồng trọt ít nhất 05 năm. Đứa

¹⁵ Trong thời kỳ Hàn Quốc tăng trưởng kinh tế nhanh chóng từ đầu những năm 1970 cùng với đó là dân số tăng trưởng nhanh và đô thị hóa, công nghiệp hóa tiên bộ, một lượng đáng kể đất nông nghiệp đã được chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác (để ở, thương mại công nghiệp...). Sau đó, Chính phủ phải ban hành Đạo Luật bảo tồn và sử dụng đất nông nghiệp năm 1972 nhằm hạn chế nghiêm ngặt việc chuyển đổi đất nông nghiệp cho các mục đích phi nông nghiệp. Đạo Luật chỉ định hai loại đất nông nghiệp là đất nông nghiệp tuyệt đối (cần được bảo vệ nghiêm ngặt cho sản xuất nông nghiệp) và đất nông nghiệp tương đối, ít phù hợp hơn với sản xuất nông nghiệp. Để chuyển đổi đất nông nghiệp thì cần có sự cho phép của Chính phủ và các nhà phát triển phải trả một khoản phí cho Quỹ Quản lý Đất nông nghiệp nhằm cung cấp đất thay thế để canh tác. Năm 1992, để bảo tồn diện tích đất nông nghiệp chất lượng cao, hệ thống bảo tồn đất nông nghiệp cũ đã được thay thế bằng một hệ thống mới thiết kế khu đất nông nghiệp giống như một vùng xúc tiến nông nghiệp (Agriculture promotion region - APR). Đất nông nghiệp được hưởng lợi ích từ một số biện pháp bao gồm cải thiện và bảo trì các cơ sở nông nghiệp, hỗ trợ kinh phí và miễn, giảm thuế.

trẻ phải sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp trong ít nhất 05 năm, nếu không đưa trẻ sẽ phải trả lại toàn bộ số tiền thuế được miễn. Được miễn thuế thừa kế đối với các tài sản được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp bao gồm cả đất nông nghiệp, được miễn thuế thừa kế lên tới 1,5 tỷ Won (khoảng 1,29 triệu USD) với điều kiện cả hai bên đã tham gia vào nông nghiệp và sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp ít nhất 05 năm sau khi thừa kế.

3. Mỹ¹⁶:

Ở Mỹ, việc đánh thuế thuế tài sản hay bất động sản (Property Tax) được giao cho các tiểu bang, mỗi bang có thuế suất và phương pháp đánh giá giá trị tài sản khác nhau. Bất động sản bao gồm đất, nhà ở thương mại và nhà để ở. Thuế bất động sản được xác định dựa trên thuế suất thuế bất động sản và cơ sở tính thuế.

Cơ sở tính thuế được xác định dựa trên giá trị đánh giá (assessed value) của tài sản và tỷ lệ đánh giá (the assessment ratio). Tỷ lệ đánh giá là tỷ lệ để xác định giá trị đánh giá theo quy định của từng bang. Giá trị đánh giá có thể khác nhau phụ thuộc và giá trị thị trường của tài sản hoặc giá trị khi bất động sản được mua bán, trao đổi. Mức thuế suất trung bình trên cả nước năm 2016 là 1,24%.

Bảng 3. Mức thuế suất thực tế (effective property tax rate) và giá nhà trung bình theo các bang

TT	Bang	Thuế suất thực tế trung bình	Giá nhà trung bình	Thuế BĐS trung bình
	Cả nước	1,24%	\$279.715	\$3.313
1	Hawaii	0,32%	\$784.583	\$2.489
2	Alabama	0,48%	\$161.853	\$776
3	Colorado	0,52%	\$394.604	\$2.046
4	Tennessee	0,54%	\$181.331	\$981
5	Delaware	0,56%	\$271.585	\$1.526
6	West Virginia	0,57%	\$271.585	\$802
7	South Carolina	0,63%	\$204.349	\$1.294
8	District of Columbia	0,64%	\$772.008	\$4.915
9	Nevada	0,64%	\$293.432	\$1.873
10	Utah	0,65%	\$300.245	\$1.948
11	Arkansas	0,67%	\$150.742	\$1.006
12	Arizona	0,68%	\$282.423	\$1.918
13	Louisiana	0,71%	\$183.591	\$1.302
14	Kentucky	0,74%	\$165.285	\$1.217

¹⁶ OECD (2016). "Innovation, Agricultural Productivity and Sustainability in United States of America". OECD Food and Agricultural Reviews.

TT	Bang	Thuế suất thực tế trung bình	Giá nhà trung bình	Thuế BĐS trung bình
15	Wyoming	0,76%	\$222.449	\$1.691
16	California	0,77%	\$619.491	\$4.783
17	North Carolina	0,78%	\$217.560	\$1.706
18	Montana	0,80%	\$242.342	\$1.950
19	Georgia	0,86%	\$204.399	\$1.757
20	Mississippi	0,86%	\$143.357	\$1.236
21	Washington	0,88%	\$406.602	\$3.592
22	Oklahoma	0,89%	\$142.683	\$1.272
23	Indiana	0,94%	\$143.016	\$1.351
24	Alaska	0,96%	\$336.088	\$3.225
25	New Mexico	0,97%	\$227.540	\$2.214
26	Virginia	0,99%	\$321.992	\$3.181
27	Oregon	1,02%	\$342.488	\$3.495
28	Idaho	1,02%	\$236.120	\$2.415
29	Florida	1,05%	\$278.629	\$2.936
30	Maryland	1,05%	\$326.151	\$3.437
31	Minnesota	1,06%	\$260.373	\$2.752
32	Missouri	1,11%	\$173.044	\$1.923
33	North Dakota	1,11%	\$227.882	\$2.539
34	Massachusetts	1,21%	\$455.642	\$5.513
35	South Dakota	1,38%	\$195.438	\$2.701
36	Iowa	1,43%	\$158.691	\$2.270
37	Maine	1,43%	\$274.961	\$3.937
38	Kansas	1,47%	\$172.654	\$2.532
39	Nebraska	1,50%	\$174.731	\$2.614
40	Michigan	1,52%	\$165.584	\$2.524
41	Wisconsin	1,61%	\$199.072	\$3.196
42	Rhode Island	1,64%	\$316.486	\$5.195
43	Ohio	1,68%	\$155.415	\$2.616
44	New York	1,88%	\$372.854	\$7.013
45	Pennsylvania	1,89%	\$206.280	\$3.900
46	Connecticut	2,00%	\$348.513	\$6.963
47	Vermont	2,02%	\$255.242	\$5.150
48	New Hampshire	2,03%	\$292.452	\$5.935

TT	Bang	Thuế suất thực tế trung bình	Giá nhà trung bình	Thuế BĐS trung bình
49	Texas	2,06%	\$226.553	\$4.660
50	Illinois	2,13%	\$227.242	\$4.845
51	New Jersey	2,31%	\$367.036	\$8.477

Nguồn: <https://www.mortgagecalculator.org/helpful-advice/property-taxes.php>

Về giảm thuế, tùy vào quy định của từng bang có các chính sách miễn giảm thuế đối với các đối tượng người già, người có thu nhập thấp, người tàn tật, cựu chiến binh (New York, Texas¹⁷,...); giảm thuế đối với tài sản đầu tiên cho chủ sở hữu (California, Texas.); giảm thuế đối với một số khu vực cụ thể (Texas...).

Ở cấp độ chính quyền địa phương thì thuế tài sản/thuế bất động sản có ý nghĩa quan trọng. Tất cả các bang có ít nhất một chương trình nhằm giảm số thuế tài sản mà người nông dân phải nộp. Điểm quan trọng của chương trình là cho phép đất nông nghiệp được định giá theo giá trị sử dụng thay vì giá trị thị trường. Điều này có thể giúp giảm thuế tài sản đáng kể cho người nông dân, giảm chi phí vận hành trang trại và giảm áp lực tài chính đối với một số người nông dân khi buộc họ phải bán đất nông nghiệp cho các mục đích phát triển khác.

4. Cam-pu-chia¹⁸: Chính phủ Cam-pu-chia đã ban hành Luật thuế tài sản nói chung, trong đó quy định mọi tài sản, tòa nhà và công trình xây dựng được xây trên đất nông nghiệp và phải trực tiếp phục vụ cho mục đích nông nghiệp thì được miễn thuế.

Các tài sản, tòa nhà và công trình xây dựng được đánh thuế ở mức 0,1% mỗi năm đối với bất động sản có giá trị trên KHR100.000.000 (khoảng 25.000 USD). Cơ sở thuế là giá trị thị trường được xác định bởi Ủy ban đánh giá tài sản về thuế tài sản của Bộ Kinh tế và Tài chính (MoEF) trừ đi ngưỡng quy định (KHR100.000.000). Chủ sở hữu, người chiếm hữu hoặc người thụ hưởng cuối cùng của tài sản bất động được yêu cầu phải nộp thuế trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

Đối với đất không được sử dụng (đất không xây dựng và đất xây dựng bị bỏ hoang nằm trong thành phố và các khu vực được xác định bởi Ủy Ban thẩm định Đất không sử dụng (the Unused Land Appraisal Committee (ULAC)): chủ sở hữu đất phải trả thuế ở mức 2% giá trị thực tế của đất theo m² do ULAC xác định vào ngày 30/6 hàng năm.

5. Cộng hòa Macedonia¹⁹:

Ở Cộng hòa Macedonia, Chính phủ ban hành Luật thuế tài sản được quy

¹⁷ Texas có giảm trừ thuế BĐS cho đối tượng là người già hơn 64 tuổi.

¹⁸ <https://www.pwc.com/kh/en/tax/cambodian-2018-tax-booklet1.pdf>

¹⁹ http://www.libertas-institut.com/de/MK/nationallaws/property_tax.pdf

định cụ thể như sau:

- Đối tượng chịu thuế: đất phi nông nghiệp, tòa nhà hoặc căn hộ để ở, các khu vực kinh doanh, tòa nhà quản lý, tòa nhà và căn hộ phục vụ cho hoạt động giải trí, garage và các công trình xây dựng khác.

- Căn cứ tính thuế: thuế tài sản được tính dựa trên giá trị tính thuế và thuế suất. Trong đó, giá trị tính thuế là giá trị thị trường của tài sản. Mức thuế suất là mức thuế suất tỷ lệ và ở mức 0,1%.

- Đất sử dụng để sản xuất sản phẩm nông nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế tài sản.

6. Canada:

Chương trình miễn thuế bất động sản đối với đất nông nghiệp ở Canada²⁰ được thiết kế để xác định loại đất nông nghiệp sản xuất và các tòa nhà trang trại được sử dụng liên quan đến sản xuất nông nghiệp mà có đủ điều kiện để được miễn thuế bất động sản theo Luật. Chương trình miễn thuế bất động sản có thể áp dụng cho các cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp một cách hiệu quả, cho dù đó là người sở hữu, cho thuê hay đi thuê.

Mục tiêu của chương trình là: (i) Khuyến khích chủ sở hữu đất nông nghiệp nhân rộng sử dụng đất hiệu quả; (ii) Giảm thuế cho chủ sở hữu đất nông nghiệp có số lượng đất lớn, sử dụng đất hiệu quả.

Số thuế được miễn đối với đất nông nghiệp sẽ dựa vào tổng doanh thu của các sản phẩm nông nghiệp. Nói chung, mức độ sản xuất nông nghiệp càng cao thì càng nhiều mẫu đất có thể được miễn. Một phần đất nông nghiệp của cá nhân có thể bao gồm đá, đầm lầy, sườn dốc,... phần này sẽ không có khả năng sản xuất nông nghiệp; ngoài ra vì năng suất sẽ thay đổi rất lớn từ loại hình sản xuất này sang loại hình khác, do đó công thức miễn trừ thuế đối với đất nông nghiệp được tính theo cách sử dụng giá trị thấp, và mức độ hoạt động nông nghiệp rộng rãi.

Điều kiện đáp ứng Chương trình miễn thuế đối với đất nông nghiệp là:

- Cơ sở đất đai phải được sử dụng để sản xuất nông sản;
- Đất phải được canh tác bởi cá nhân nộp đơn xin miễn thuế đất (trong trường hợp đất được thuê, việc miễn thuế sẽ có lợi cho chủ sở hữu).
- Người nộp đơn xin miễn thuế phải sản xuất được tối thiểu 5.000 USD doanh thu hàng năm từ các sản phẩm nông nghiệp trong năm trước năm miễn thuế. Miễn trừ thuế không áp dụng cho nhà ở hoặc 0,5 mẫu đất trên đó làm nơi cư trú.

7. Nhật Bản:

Nhật Bản có hệ thống chính quyền 3 cấp gồm chính quyền trung ương, 47 quận (cấp chính quyền tương đương với cấp bang ở Mỹ) và 3.230 địa phương

²⁰ https://www.faa.gov.nl.ca/agrifoods/land/land_use/propertytax.html

(thành phố, thị trấn, làng). Trong hệ thống thuế địa phương của Nhật Bản, Luật thuế địa phương cho phép các địa phương đánh các loại thuế địa phương, bao gồm cả thuế bất động sản. Chính quyền địa phương đánh thuế bất động sản đối với đất, nhà cửa và tài sản hữu hình.

Các loại bất động sản chịu thuế bao gồm đất, nhà cửa và tài sản hữu hình có tính khấu hao khi xác định thuế thu nhập và thuế công ty.

Cơ sở đánh thuế là giá trị đã được định giá của bất động sản chịu thuế được ghi trong sổ đăng ký thuế bất động sản do mỗi địa phương lập ra và quản lý. Mặc dù việc định giá do chính quyền địa phương thực hiện, công thức chung để định giá bất động sản chịu thuế do Bộ Quản lý công, Nội vụ, Bưu chính và Viễn thông quy định. Với công thức định giá chung này, việc định giá bất động sản của các địa phương về cơ bản là thống nhất trên toàn nước Nhật nhằm đảm bảo hệ thống thuế công bằng và hợp lý.

Giá trị đất đai được xác định có tính đến giá trị thực tế trên thị trường của những mảnh đất tương tự. Việc định giá được thực hiện phụ thuộc vào loại đất (đất ở, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp...). Đối với mỗi loại đất sẽ chọn ra một số mảnh đất “tiêu chuẩn” của từng khu vực để định giá, còn đất ở mặt đường chính được ấn định giá. Giá trị của từng mảnh đất sẽ được xác định trong mối tương quan với giá trị của mảnh đất “tiêu chuẩn”, có tính đến các điều kiện xung quanh.

Đất nông nghiệp được định giá tương tự như phương pháp định giá đất ở thông qua việc lựa chọn một mảnh đất tiêu chuẩn ở mỗi khu vực để định giá. Đất nông nghiệp ở các “khu vực đô thị hóa” ở vùng quy hoạch lên thành phố về cơ bản được định giá như đất ở. Tuy nhiên, đối với đất được quy hoạch thành vùng “nông nghiệp xanh” hiện đang được sử dụng để trồng trọt thì vẫn được đánh thuế như đất nông nghiệp dù mảnh đất đó nằm trong “khu vực đô thị hóa”.

Cơ sở đánh thuế đối với đất ở là 1/6 giá trị đối với phần diện tích dưới 200m² và 1/3 giá trị đối với phần diện tích vượt 200m².

Những tài sản có giá trị thấp hơn các mức sau được miễn thuế: Đất: 300.000 yên; Nhà: 200.000 yên; Bất động sản thương mại: 1.500.000 yên

Bất động sản sử dụng cho mục đích giao thông công cộng, nghĩa trang, giáo dục, tôn giáo, an sinh xã hội và các mục đích khác quy định trong Luật thuế địa phương được miễn thuế tài sản. Bất động sản thuộc sở hữu của chính quyền trung ương, quận, xã phường, đại sứ quán, lãnh sự quán nước ngoài cũng được miễn thuế.

Giá trị của nhà được xác định có tính đến chi phí thay thế (chi phí hình thành nên tài sản) cũng như khấu hao tài sản trong thời gian sử dụng. Giá trị tính thuế của bất động sản thương mại cũng được xác định có tính đến chi phí hình thành nên tài sản và khấu hao.

Trong hệ thống thuế địa phương của Nhật Bản, Luật Thuế địa phương quy định mức thuế suất địa phương mà các quận, thành phố có thể áp dụng. Mức

thuế suất chuẩn cũng được quy định trong luật và mỗi chính quyền địa phương phải áp mức thuế suất này khi họ đánh thuế địa phương. Mức thuế suất chuẩn đối với thuế bất động sản là 1,4% giá trị tính thuế. Ngoài mức thuế suất chuẩn thì luật thuế cũng quy định mức thuế suất tối đa cho phép chính quyền địa phương được đánh thuế bất động sản với mức cao nhất là 2,1%. Trong số 3.230 địa phương thì 280 địa phương đã áp dụng mức thuế suất cao hơn 1,4%. Trong cùng một địa phương thì thuế suất đối với đất và nhà là giống nhau.

Thuế bất động sản do chính quyền địa phương thực hiện thu. Đối với 23 quận đặc biệt của Tokyo, chính quyền thành phố Tokyo thực hiện việc đánh và thu thuế bất động sản. Thuế bất động sản do chính quyền địa phương nơi có tài sản chịu thuế tại thời điểm ngày 01/01 thu. Các cá nhân, không kể là cư trú hay không cư trú tại địa phương, nhưng là chủ sở hữu của tài sản chịu thuế trong sổ đăng ký thuế tại thời điểm 01/01 chịu trách nhiệm nộp thuế bất động sản. Thuế bất động sản được nộp 4 lần trong 1 năm, thường là vào tháng 4, tháng 7, tháng 12 và tháng 2 năm sau. Cơ quan địa phương sẽ gửi thông báo thuế cho người nộp thuế, trong đó thông báo số thuế phải nộp tính đến ngày 01/01. Người nộp thuế phải nộp thuế thông qua ngân hàng, gửi bưu điện hoặc trực tiếp cho cơ quan địa phương. Những địa phương có đánh thuế quy hoạch thành phố (city planning tax) bên cạnh thuế bất động sản sẽ gửi kèm thông báo thuế quy hoạch thành phố cùng với thông báo thuế bất động sản.

Mỗi địa phương phải mở một sổ đăng ký thuế cho bất động sản chịu thuế, sổ này được công khai cho người nộp thuế trong khoảng 20 ngày từ ngày 01/3 hàng năm. Người nộp thuế có thể kiểm tra và khiếu nại với Hội đồng Định giá Tài sản cố định về giá trị định giá đối với tài sản của mình. Tuy nhiên, thực tế có rất ít các trường hợp khiếu nại xảy ra.

Giá trị của nhà, đất ghi trong sổ đăng ký thuế được điều chỉnh 3 năm 1 lần dựa trên việc điều tra giá đất trên thị trường và chi phí xây dựng đối với nhà cửa. Khi việc đánh giá lại giá trị của tài sản được thực hiện trên toàn nước Nhật, đôi khi giá trị của tài sản được xác định tăng đáng kể. Nhằm tránh việc tăng gánh nặng thuế một cách đột ngột, mức tăng về giá trị tính thuế của đất trong giai đoạn 2000-2002 được giới hạn đến một mức nhất định, bằng với tỷ số giữa giá trị tính thuế và giá trị định giá thực tế của đất.

Giá trị định giá của bất động sản thương mại trong sổ đăng ký thuế được điều chỉnh mỗi năm một lần. Chủ sở hữu của bất động sản thương mại phải báo cáo với chính quyền địa phương sở tại về những thông tin, chi tiết cần thiết để đánh giá tài sản thương mại đó.

Công dân có quyền đăng ký quyền đối với đất đai hoặc nhà cửa nhằm bảo vệ mình trong các trường hợp mua bán hoặc chuyển nhượng bất động sản. Bộ Tư pháp lưu giữ các hồ sơ đăng ký tài sản này. Chính quyền địa phương có thể sử dụng hồ sơ này trong quá trình kiểm tra sổ đăng ký thuế để xác định mức thuế bất động sản phải nộp khi phát sinh các giao dịch mua bán, chuyển nhượng tài sản. Chẳng hạn, họ có thể đối chiếu thông tin về chủ ở hữu bất động sản hoặc mảnh đất mà người nộp thuế sở hữu... Đồng thời, các chi nhánh văn phòng của

Bộ Tư pháp phải thông báo cho chính quyền địa phương về giao dịch mua bán, chuyển nhượng bất động sản phát sinh tại địa phương.

8. Phần Lan²¹:

Ở Phần Lan, Chính phủ ban hành chính sách thuế tài sản bao gồm các loại tài sản sau:

- + Tài sản quà tặng
- + Tài sản được thừa kế
- + Tài sản bất động sản
- + Tài sản nông nghiệp

Trong đó, đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp và đất rừng được miễn thuế tài sản.

9. Bulgaria²²:

Thuế bất động sản áp dụng cho tất cả các tài sản bất kể có được sử dụng hay không được sử dụng nhưng riêng đất và công trình trên đất được sử dụng cho mục đích nông nghiệp thì được loại trừ.

Gần đây, Bộ Nông nghiệp của Bulgaria đề cập đến thuế đánh vào đất bị bỏ hoang (đất hoang hóa hoặc đất không canh tác) nhằm thúc đẩy chủ sở hữu thuê đất hoang hóa cho các hợp tác xã và các doanh nghiệp địa phương để sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả hơn. Hiệp hội các địa phương ở Bulgaria chỉ ra rằng những vùng đất hoang hóa hoặc bị bỏ hoang là một vấn đề nghiêm trọng và việc đánh thuế đối với loại đất này cũng sẽ gặp những khó khăn thách thức vì nhiều chủ sở hữu các vùng đất đó đã rời khỏi quốc gia Bulgaria.

10. Angieri²³:

Đất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế của Luật Thuế tài sản đối với bất động sản không có công trình xây dựng. Đối tượng nộp thuế là chủ sở hữu hoặc người có quyền tương đương về sở hữu tài sản. Trong trường hợp không có chủ sở hữu thì những người sử dụng đất phải chi trả tiền thuế. Tuy nhiên có những trường hợp đặc biệt có thể phát sinh: (i) Trường hợp người sử dụng đất không phải là chủ sở hữu của mảnh đất đó nhưng lại có lợi tức từ mảnh đất đó thì phải đóng thuế; (ii) Trường hợp cho thuê bằng hợp đồng thuê hoặc cho thuê để xây dựng thì thuế tài sản được thu tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể và người nộp thuế là người thuê lâu dài hoặc bên thuê để xây dựng.

²¹ https://www.lincolnst.edu/sites/default/files/pubfiles/brown_wp02pb1.pdf

²² https://www.lincolnst.edu/sites/default/files/pubfiles/brown_wp02pb1.pdf;

<https://www.novinite.com/articles/159402/Bulgaria%27s+Agriculture+Ministry+to+Introduce+Tax+on+Uncultivated+Land>

²³ <https://www.mfdgi.gov.dz/index.php/vous-etes-un-professionnel/134-vos-impots/134-taxe-fonciere-sur-les-proprietes-non-baties-2>

Luật Thuế tài sản đối với bất động sản không có công trình xây dựng quy định mức thuế được xác định dựa trên giá trị tính thuế của mảnh đất tính theo m² hoặc hecta, mức thuế suất cho đất nông nghiệp là 3%.

11. Israel

Ở Israel, thuế tài sản là một khoản thu hàng năm do chính quyền địa phương thu và đánh vào chủ sở hữu tài sản hoặc người thuê tài sản. Nguồn thu từ thuế tài sản có vai trò quan trọng trong tổng thu NSDP ở Israel (trung bình 38% ngân sách các thành phố, 23,1% ngân sách nông thôn, 32% ngân sách vùng). Tiêu chí để xác định mức thuế suất thuế tài sản là diện tích đất, mục đích sử dụng đất (đất ở, đất thương mại, đất văn phòng, đất dùng cho sản xuất công nghiệp...), vị trí đất. Do đó, mức thuế suất thuế tài sản rất khác nhau giữa các địa phương. Khác với nhiều quốc gia khác, mức thu thuế tài sản hàng năm ở Israel được thu dựa trên diện tích của tài sản.

Ở Israel, các địa phương khác nhau sử dụng các phương khác nhau trong xác định diện tích chịu thuế tài sản, có địa phương chỉ tính diện tích căn hộ thực tế, có địa phương còn tính thêm cả diện tích sử dụng chung như lối đi chung, khu đỗ xe chung, cầu thang chung... Về thuế suất, mức thuế suất thu trên một mét vuông tài sản chịu thuế và cách thu cũng rất khác nhau, tùy theo quyết định của chính quyền địa phương, ví dụ ở Jerusalem, đối với nhà có diện tích dưới 120m² chịu một mức thuế suất và trên 120 m² chịu mức thuế suất khác và các loại nhà khác nhau chịu các mức thuế suất khác nhau. Nhiều địa phương cũng áp dụng quy định về giảm thuế đối với một số nhóm đối tượng, ví dụ như người cao tuổi, người có vấn đề về sức khỏe hoặc cần sự trợ giúp đặc biệt...

12. Đức

Thuế tài sản ở Đức là khoản thu hàng năm đánh vào bất động sản và do chính quyền địa phương nơi có bất động sản thu. Mức thuế suất thông thường là 0,35% giá trị tài sản (giá trị lịch sử), nhân với hệ số. Thuế suất hiệu lực (effective tax rate) ở các thành phố lớn thường từ 1,5% - 3% giá trị lịch sử. Ngoài ra, Đức cũng đánh thuế thừa kế/quà tặng đối với tài sản thừa kế/cho tặng. Mức thuế suất phụ thuộc vào mối quan hệ giữa người cho và người nhận và giá trị của tài sản và nằm trong khoảng từ 7% - 50%.

13. Hy Lạp²⁴:

Đất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế bất động sản.

Đất nông nghiệp hoặc đất rừng mà hoạt động chính của người nông dân là canh tác được miễn thuế bất động sản. Các bất động sản được sử dụng để sản xuất hoặc thực hiện các hoạt động nông nghiệp, thương mại, công nghiệp, mỏ, thủ công mỹ nghệ... đều được miễn thuế bất động sản.

²⁴ https://www.lincolinst.edu/sites/default/files/pubfiles/brown_wp02pb1.pdf

14. Phi-líp-pin²⁵:

* Đất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế tài sản

Mức thuế suất thuế tài sản²⁶, đối với đất nông nghiệp được quy định dựa trên giá trị tài sản được đánh giá:

Tài sản thuộc phạm vi	Thuế suất
Thành phố và tỉnh thuộc Manila	2%
Tỉnh khác	1%

Giá trị đánh giá đối với đất nông nghiệp, theo quy định, là giá trị thị trường hợp lý được dựa trên đánh giá của các địa phương²⁷ và được đề cập trong các quy định về thuế. Đối với đất nông nghiệp, mức đánh giá được quy định như sau:

Từ mức giá trị thị trường hợp lý	Không quá	Mức đánh giá (%)
	300.000	25
300.000	500.000	30
500.000	750.000	35
750.000	1.000.000	40
1.000.000	2.000.000	45
2.000.000		50

Nguồn: <https://www.foreclosurephilippines.com/real-property-tax-rpt-philippines/>

* Tại **Philippines**²⁸, ngoài việc áp dụng thuế tài sản thì Chính phủ cũng quy định thu thêm thuế đánh vào đất trống (Tax on Idle Lands). Theo Nghị định số 1446 năm 1978, việc thu thêm thuế đánh vào đất trống nhằm thúc đẩy việc sử dụng đất tối đa và hiệu quả để hỗ trợ các chương trình quan trọng của Chính phủ về phát triển nông thôn, nhà ở giá rẻ, cơ sở hạ tầng và các dự án phục vụ các lợi ích cơ bản và nâng đỡ người nghèo, kém may mắn. Thực tế cho thấy, vùng đất rộng lớn cho sản xuất nông nghiệp và đất đô thị thuộc sở hữu tư nhân trên cả

²⁵ <http://www.chanrobles.com/presidentialdecrees/presidentialdecreeno1446.html#.XVzoLVV96M8>

²⁶ <https://www.foreclosurephilippines.com/real-property-tax-rpt-philippines/>

²⁷ Chính quyền địa phương định nghĩa giá trị thị trường hợp lý của tài sản là giá của tài sản có thể được bán bởi người bán mà không bị ép buộc phải bán và được mua bởi người mua mà không bị ép buộc phải mua.

²⁸ <http://www.chanrobles.com/presidentialdecrees/presidentialdecreeno1446.html#.XVzoLVV96M8>

nước vẫn còn để trống và không phát triển do chủ sở hữu không canh tác và không sử dụng. Để đạt được mục tiêu, đặc biệt là các mục tiêu liên quan đến phát triển nông thôn và phát triển đô thị thì đất trống (đất nhàn rỗi) bắt buộc phải được sử dụng. Mức thuế suất tài sản bổ sung đối với đất trống được quy định là 5%/năm dựa trên giá trị được đánh giá của tài sản do Giám định viên cấp tỉnh hoặc thành phố nơi có tài sản đó hoặc do Giám định viên thành phố xác định trong trường hợp đất trống nằm ở các đô thị của Manila. Cho đến thời điểm hiện nay thì mức thuế suất 5% vẫn được duy trì.

Theo Nghị định số 1446 năm 1978, đất trống bao gồm:

(i) Đất nông nghiệp thích hợp cho trồng trọt, chăn nuôi bò sữa, nội thủy sản và các mục đích sử dụng nông nghiệp khác và một nửa trong số đất trống đó không được chủ sở hữu thực hiện canh tác hoặc cải thiện.

(ii) Đất đai (không phải là đất nông nghiệp) nằm trong thành phố hoặc đô thị có hơn, hơn 2.000 mét vuông trong khu vực, một nửa trong số đó không được chủ sở hữu sử dụng hoặc cải thiện.

Theo Nghị định số 1446 năm 1978, chủ sở hữu đất trống cũng được miễn thuế trong trường hợp chủ sở hữu không có khả năng cải thiện, sử dụng hoặc canh tác đất trống vì những nguyên nhân sau:

- Các điều kiện hòa bình và trật tự do Chỉ huy tỉnh của Cơ quan Hiến pháp Philippines chứng nhận. Tuy nhiên nếu trong vòng 01 năm sau khi khôi phục hòa bình và trật tự tại địa phương theo xác nhận của Chỉ huy tỉnh nói trên mà vùng đất vẫn không được sử dụng thì sẽ áp thuế bổ sung đối với đất trống.

- Thiệt hại tài chính của chủ sở hữu do hỏa hoạn, lũ lụt, bão, động đất và các nguyên nhân khác có tính chất tương tự được chủ sở hữu gửi bằng chứng đến Người giám định ở tỉnh, thành phố hoặc đô thị. Trong vòng 02 năm kể từ ngày xảy ra mất mát, đất trống không được cải thiện thì áp dụng thuế bổ sung đối với đất trống.

- Các vụ kiện hiện tại của tòa án liên quan đến đất bị đánh thuế được tòa án xác nhận trong vụ án đang chờ xử lý. Trong vòng 01 năm sau khi xét xử cuối cùng mà đất không được cải thiện thì áp dụng thuế bổ sung đối với đất trống.

- Sự cần thiết phải để đất trong tình trạng bỏ hoang (nếu như được Bộ Nông nghiệp tỉnh, thành phố hoặc đô thị chứng nhận) trong một khoảng thời gian đến khi đất được coi là sẵn sàng cho sản xuất. Nếu trong vòng 01 năm sau khoảng thời gian đó, đất trống không được cải thiện thì áp dụng thuế bổ sung đối với đất trống.

- Trong trường hợp là đất nông nghiệp có các yếu tố vật lý không thuận lợi như đất đá và địa hình không bằng phẳng... khiến cho đất không phù hợp để canh tác theo xác nhận của Bộ Nông nghiệp tỉnh, thành phố hoặc đô thị.

- Các lô đất được phân lô nhưng vẫn không được sử dụng do sự thất bại của nhà phát triển hoặc chủ sở hữu theo xác định của giám định viên. Nếu trong vòng 01 năm, kể từ thời điểm phân khu được phát triển mà lô đất nói trên vẫn

không được sử dụng hoặc không được cải thiện thì áp dụng thuế bổ sung đối với đất trống.

Theo quy định hiện hành²⁹, đất trống bao gồm một số loại như sau:

(i) Đất nông nghiệp có diện tích lớn hơn 01 héc ta, thích hợp cho việc trồng trọt, chăn nuôi bò sữa, nuôi trồng thủy sản và các mục đích khác sử dụng cho nông nghiệp, tuy nhiên một nửa diện tích đất không được canh tác hoặc không được cải thiện.

Ngoại trừ:

+ Đất trồng cây lâu năm có ít nhất 50 cây cho 1 héc ta;

+ Đất dùng cho mục đích chăn thả

(ii) Đất (không phải đất nông nghiệp) ở thành phố có diện tích hơn 1.000 m². Một nửa trong số diện tích này không được sử dụng hoặc cải thiện.

15. Latvia³⁰: thuế bất động sản không áp dụng cho các tòa nhà và cấu trúc kỹ thuật chỉ được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp cũng như đất đã qua cải tạo phục hồi hoặc đất rừng. Thuế được tính toán dựa trên việc xem xét giá trị địa chính hoặc đất nông thôn nếu diện tích vượt quá 03 hecta. Mức thuế suất thuế bất động sản nằm trong khoảng 0,2% đến 3%, để khuyến khích việc sử dụng đất hiệu quả thì mức thuế suất trên có thể được tăng lên khoảng 1,5% (tối đa đến 4,5%) đối với đất nông nghiệp bị bỏ hoang (uncultivated agricultural land) (ngoại trừ đất có diện tích không vượt quá 01 hecta hoặc trong đó có các hoạt động nông nghiệp hạn chế được thiết lập phù hợp với quy định của pháp luật). Để hạn chế sự gia tăng nhanh chóng về giá trị địa chính của đất nông nghiệp, từ năm 2016 đến năm 2025, giá trị đặc biệt được thiết lập cho các vùng đất nông nghiệp vượt quá 03 hecta, cụ thể là tăng giá trị địa chính không vượt quá 10% giá trị địa chính của đất nông thôn được áp cho năm tính thuế trước đó.

16. Pháp:

Tại Pháp³¹, thuế đánh vào đất không có công trình xây dựng trên đất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế tài sản (thuộc hệ thống thuế địa phương) do các chủ sở hữu đất nông nghiệp nộp hàng năm, trong đó đối tượng chịu thuế là đất và nhà kính tại cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; đất xây dựng công trình, các tòa nhà nông thôn, sân... (Đất phải thuộc sở hữu của nông dân hoặc cho nông dân thuê; đất phải được sử dụng cho mục đích canh tác). Nếu đất nông nghiệp không được canh tác mà đem sử dụng cho mục đích công nghiệp hoặc dịch vụ sẽ chịu Thuế đất xây dựng³². Đất bỏ hoang³³ sẽ bị Nhà nước thu

²⁹<https://www.foreclosurephilippines.com/real-property-tax-rpt-philippines/#Ad-Valorem-Tax-on-Idle-Lands-5>

³⁰OECD (2019), "Innovation, Agricultural Productivity and Sustainability in Latvia". OECD Food and Agricultural Reviews

³¹<http://bofip.impots.gouv.fr/bofip/1195-PGP.html#1195-PGP-Terres-incultes-recuperables-43>

³²<http://www.leparisien.fr/seine-et-marne-77/comment-s-approprier-une-terre-sans-maitre-12-02-2013-2559775.php>

³³Đất bỏ hoang là đất không xác định được chủ sở hữu, không có người thừa kế trong 30 năm và không tra bắt cứ một loại thuế tài sản nào trong hơn 3 năm trở lại.

hồi. Tuy nhiên, chính quyền địa phương phải chứng minh rằng đã làm mọi cách để xác định chủ sở hữu nhưng không thành công, đặc biệt có chứng nhận của Cơ quan thuế địa phương và xác nhận của địa phương là không có chủ sở hữu và mảnh đất đó không được đóng thuế địa phương. Sau đó chính quyền địa phương phải công bố trong vòng 6 tháng mới được thu hồi đất.

Các trường hợp miễn thuế đối với đất nông nghiệp được quy định như sau:

(i) Miễn thuế vĩnh viễn:

Miễn trừ một phần (phần của vùng và tính + 20% phần của xã) đối với một số đối tượng bao gồm: Bãi cỏ và đồng cỏ tự nhiên, vườn cây ăn quả, vườn nho, rừng, các cánh đồng, hồ ao, trừ đất làm vườn cảnh, vườn hoa, trang trí, vườn ươm. Tại Corse, đất sử dụng cho nông nghiệp được miễn thuế hoàn toàn.

Theo quyết định của các thành phố có liên quan, đất trồng cây ô liu có thể được loại trừ khỏi phần chung của thuế sử dụng đất nông nghiệp. Để được hưởng sự miễn trừ này, chủ sở hữu phải khai báo với cơ quan thuế các tài liệu cần thiết trước ngày 01/01 của năm miễn thuế.

(ii) Miễn thuế có thời hạn:

Hội đồng thành phố hoặc tổ chức hợp tác công sẽ quyết định việc miễn thuế và thời hạn miễn thuế trong giới hạn tối đa được ủy quyền. Nếu một mảnh đất không còn đủ điều kiện để được miễn, thì sẽ bị đánh thuế vào năm sau.

Thời gian miễn trừ thuế sử dụng đất nông nghiệp

STT	Loại hình đất	Loại miễn trừ	Thời hạn miễn trừ	Tỷ lệ miễn trừ
1	Đất được gieo trồng hoặc trồng lại cây gỗ	Tự động miễn trừ	10, 30 hoặc 50 năm	100%
2	Rừng tự nhiên, trừ rừng dương đã trải qua quá trình tái sinh tự nhiên	Tự động miễn trừ	30 hoặc 50 năm	100%
3	Rừng trong trạng thái cân bằng tái sinh	Tự động miễn trừ	15 năm, có thể gia hạn	25%
4	Natura 2000 (theo điều lệ Natura 2000)	Tự động miễn trừ	5 năm, có thể gia hạn	100%
5	Đất nông nghiệp trồng các sản phẩm sinh học	Theo quyết định của chính quyền địa phương	5 năm	100%
6	Đất trồng cây nấm củ sau năm 2004	Tự động miễn trừ	50 năm	100%
7	Đất mới trồng gỗ hồ đào	Theo quyết định của chính quyền địa phương	Tối đa 8 năm	100%
8	Vườn cây ăn quả, vườn nho (loại thứ 3 và 4 trong bản chất của đất trồng)	Theo quyết định của chính quyền địa phương	Tối đa 8 năm	100%

Nguồn: <http://bofip.impots.gouv.fr/bofip/1195-PGP.html#1195->

PGP Terres incultes recuperables 43

17. Albania³⁴:

Thuế tài sản áp dụng đối với đất nông nghiệp, đất đô thị, tòa nhà/công trình. Mức thuế suất đối với đất nông nghiệp nằm trong khoảng từ 700 ALL đến 5.600 ALL/héc ta (trước đây trong khoảng từ 1.500 ALL đến 6.000 ALL/ héc ta) và phụ thuộc vào mục đích sử dụng.

18. Nam Phi

Ở Nam Phi, thuế tài sản là một loại thuế địa phương (theo Hiến pháp thì các tỉnh không được quyền đánh thuế tài sản). Ở các thành phố, hội đồng thành phố thực hiện việc thu thuế tài sản; ở các vùng khác, thu thuế tài sản thuộc nhiệm vụ của chính quyền xã phường. Chính quyền quận huyện chỉ thực hiện thu thuế tài sản ở những vùng không có cấp chính quyền xã phường. Tuy nhiên, chính quyền trung ương và chính quyền cấp tỉnh quy định việc đánh thuế, định giá và thu thuế tài sản.

Đối tượng nộp thuế tài sản là chủ sở hữu của bất động sản. Thuế tài sản được đánh trên tất cả các loại đất (đất ở, đất thương mại, đất công nghiệp, đất nông nghiệp và đất chính phủ) và những tài sản gắn liền với đất. Cơ sở đánh thuế tài sản bao gồm cả đất thuộc sở hữu của chính quyền địa phương và đất bỏ hoang. Mặc dù về nguyên tắc, cơ sở đánh thuế bao gồm cả đất nông thôn (đất ngoài phạm vi khu vực đô thị) nhưng nhiều chính quyền địa phương chưa thực hiện đầy đủ việc thu thuế tài sản ở khu vực nông thôn trong phạm vi địa phương mình quản lý.

Giá trị thị trường được sử dụng làm cơ sở để định giá tài sản. Chính quyền địa phương có thể lựa chọn ít nhất hai trong số cơ sở đánh thuế sau: Xếp hạng về vị trí (chỉ xếp hạng đất); Xếp hạng nhà (xếp hạng công trình gắn liền với đất); Xếp hạng tổng hợp (xếp hạng cả đất và công trình gắn liền với đất nhưng theo các mức khác nhau).

Các địa phương có thể lựa chọn trong các cơ sở đánh thuế nêu trên nhưng dù áp dụng cơ sở nào thì việc xác định giá trị cũng phải bao gồm giá trị đất, giá trị tài sản gắn liền với đất và tổng giá trị tài sản.

“Giá trị theo vị trí” được định nghĩa “là giá trị đất hay quyền sử dụng đất có thể thực hiện nếu bán đất trên thị trường từ người có mong muốn bán sang người có mong muốn mua, giả định rằng không có tài sản gắn liền với đất”. Giá trị tài sản gắn liền với đất được xác định bằng cách lấy tổng giá trị của đất và tài sản gắn liền với đất trừ đi giá trị theo vị trí.

Việc miễn thuế được thực hiện với các tài sản sử dụng cho các mục đích tôn giáo. Không giống với các quốc gia khác, ở Nam Phi các tài sản thuộc sở hữu nhà nước không được miễn thuế tài sản nhưng được giảm 20%. Việc giảm thuế được thực hiện thông qua các hình thức như trợ cấp, giảm tiền thuế phải nộp, áp dụng biểu thuế chênh lệch hoặc miễn một phần hoặc toàn bộ số thuế

³⁴ Deloitte (2019), “International Tax Albania Highlights 2019”.

<https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/global/Documents/Tax/dttl-tax-albaniahighlights-2019.pdf>

phải nộp. Chính sách giảm tiền thuế phải nộp được áp dụng rộng rãi với tài sản là nhà ở với mức phổ biến là 40%. Một số đối tượng như người tàn tật, người hưởng lương hưu hoặc người có thu nhập thấp có thể được áp dụng thêm chính sách miễn giảm thuế.

Mức thuế suất thuế tài sản được xây dựng nhằm bù đắp thiếu hụt giữa nhu cầu chi và nguồn thu từ các loại thuế và nguồn thu khác. Chính quyền địa phương không được phép đặt ra các mức thuế suất khác nhau đối với các loại tài sản mà áp dụng cùng mức thuế suất phổ thông. Thay cho việc áp dụng các mức thuế suất khác nhau, chính quyền địa phương có thể áp dụng chính sách miễn, giảm thuế đối với các loại tài sản khác nhau. Biểu thuế chênh lệch chỉ được áp dụng đối với đất đai sử dụng cho các mục đích cụ thể như nông nghiệp hay khai thác mỏ. Ở một số tỉnh, chính quyền cấp tỉnh đặt ra mức thuế suất tối đa áp dụng đối với thuế tài sản. Trường hợp đất và tài sản gắn liền với đất được đánh thuế riêng biệt thì thuế suất đối với đất cao hơn thuế suất đối với tài sản.

Ở hầu hết các tỉnh, cuộc tổng định giá tài sản phải được thực hiện ít nhất 4 năm một lần, có hai tỉnh thực hiện 5 năm một lần. Ở một số địa phương, việc định giá tài sản không được thực hiện tốt, trong một số trường hợp việc định giá lại tài sản không được thực hiện trong 10 năm hoặc lâu hơn.

Hồ sơ định giá tài sản bao gồm các thông tin về định giá hoặc định giá lại tài sản, trong đó có tên chủ sở hữu tài sản, mô tả về tài sản, kích thước tài sản, giá trị đất, giá trị công trình gắn liền với đất. Người nộp thuế có thể gửi đơn đề nghị xem xét lại việc định giá trong một khoảng thời gian nhất định nếu không thấy thỏa đáng. Hội đồng định giá sẽ xem xét và ra quyết định trước khi chứng nhận vào hồ sơ định giá.

Về việc hành thu, chính quyền địa phương có thể tính lãi đối với các khoản thuế còn nợ. Để có thể chuyển nhượng tài sản, tài sản đó phải được cấp một giấy chứng nhận đã hoàn thành việc nộp các khoản thuế.

19. Latvia³⁵:

Thuế bất động sản không áp dụng cho các tòa nhà và cấu trúc kỹ thuật chỉ được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp cũng như đất đã qua cải tạo phục hồi hoặc đất rừng. Thuế được tính toán dựa trên việc xem xét giá trị địa chính hoặc đất nông thôn nếu diện tích vượt quá 03 hecta. Mức thuế suất thuế bất động sản nằm trong khoảng 0,2% đến 3%, để khuyến khích việc sử dụng đất hiệu quả thì mức thuế suất trên có thể được tăng lên khoảng 1,5% (tối đa đến 4,5%) đối với đất nông nghiệp bị bỏ hoang (uncultivated agricultural land) (ngoại trừ đất có diện tích không vượt quá 01 hecta hoặc trong đó có các hoạt động nông nghiệp hạn chế được thiết lập phù hợp với quy định của pháp luật). Để hạn chế sự gia tăng nhanh chóng về giá trị địa chính của đất nông nghiệp, từ năm 2016 đến năm 2025, giá trị đặc biệt được thiết lập cho các vùng đất nông nghiệp vượt quá 03

³⁵OECD (2019), "Innovation, Agricultural Productivity and Sustainability in Latvia". OECD Food and Agricultural Reviews

hecta, cụ thể là tăng giá trị địa chính không vượt quá 10% giá trị địa chính của đất nông thôn được áp cho năm tính thuế trước đó.

Trên đây là báo cáo kinh nghiệm nước ngoài về chính sách thuế liên quan đến đất đai, trong đó có đất nông nghiệp của các nước trên thế giới./.

BỘ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU

Ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Ngày 30/9/2019, Văn phòng Chính phủ có công văn số 8801/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDDNN): “*Bộ Tài chính thực hiện đúng chỉ đạo tại Thông báo số 89/TB-VPCP ngày 22 tháng 5 năm 2019, đề xuất chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 để trình ban hành Nghị quyết của Quốc hội về vấn đề này theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; lưu ý làm rõ sự cần thiết, cơ sở pháp lý đối với các nội dung xin ý kiến tại dự thảo Tờ trình và các nội dung chính sách đề xuất điều chỉnh, bổ sung so với các chính sách của giai đoạn trước đó*”.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại Công văn số 8801/VPCP-KTTH, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN (sau đây gọi chung là dự án Nghị quyết). Hồ sơ dự án Nghị quyết đã được gửi xin ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), đã đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân (Công văn số 12025/BTC-CST ngày 9/10/2019 của Bộ Tài chính).

Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được 58 ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân. Cụ thể: 01 ý kiến của Ủy ban tài chính ngân sách Quốc hội; 13 ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ (trong đó đã có đủ ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao - là các Bộ cần phải có ý kiến theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹); 40 ý kiến tham gia của các địa phương; 4 ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác - VCCI chưa có ý kiến tham gia.

¹ Theo khoản 2 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá về nguồn tài chính, Bộ Nội vụ có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá về nguồn nhân lực, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá về sự tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Bộ Tư pháp có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh với hệ thống pháp luật đến cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị.



Qua tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương cho thấy hầu hết ý kiến đều nhất trí với sự cần thiết và nội dung của dự thảo Nghị quyết (50/58 ý kiến nhất trí hoàn toàn). Một số ý kiến về câu chữ, kỹ thuật soạn thảo đã được Bộ Tài chính hoàn chỉnh tại hồ sơ dự án Nghị quyết. Ngoài ra, có 6/58 ý kiến tham gia vào nội dung dự án Nghị quyết.

Bộ Tài chính xin giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia về dự án Nghị quyết như sau:

1. Về hình thức văn bản

** Các ý kiến nhất trí với việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội. Có 01 ý kiến* đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế SDĐNN theo trình tự thủ tục thông qua tại một kỳ họp (kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV) thay vì trình Quốc hội ban hành Nghị quyết.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Luật thuế SDĐNN số 23-L/CTN ngày 10/7/1993 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014). Tại Điều 19 Luật thuế SDĐNN quy định miễn thuế đối với các trường hợp. Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có các quyết định mở rộng ưu đãi miễn, giảm thuế SDĐNN đối với hộ nông dân và các đối tượng sản xuất nông nghiệp khác trong giai đoạn qua thông qua các Nghị quyết của Quốc hội.

Trên cơ sở ý kiến tham gia, để đảm bảo không ảnh hưởng đến việc ban hành chính sách miễn thuế SDĐNN trong thời gian tới, Bộ Tài chính dự kiến 2 phương án trình Chính phủ như sau:

** Phương án 1: xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Điều 19 Luật thuế SDĐNN*

Thực hiện phương án này sẽ không đảm bảo tính khả thi vì:

- Luật thuế SDĐNN đã được ban hành từ rất lâu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1994. Đánh giá 25 năm thực hiện chính sách thuế SDĐNN cho thấy Luật thuế SDĐNN có nhiều nội dung không còn phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp, quản lý sử dụng đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan (cụ thể: Các quy định về đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế theo hạng đất và định suất thuế tính theo kg thóc đã không còn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật về đất đai). Nếu đặt vấn đề sửa đổi, bổ sung Luật thuế SDĐNN thì phải đặt vấn đề sửa đổi các nội dung khác cho phù hợp. Như vậy sẽ mất nhiều thời gian nghiên cứu, đánh giá, trong khi cuối cùng lại đề xuất miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện mục tiêu cải cách hệ thống chính sách thuế, góp phần xây dựng hệ thống thuế đồng bộ, bao quát nguồn thu, tạo nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện cơ cấu lại NSNN bảo đảm nền tài chính quốc gia bền vững theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo



đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững và Nghị quyết số 25/2016/ QH14 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trong việc tái cơ cấu ngân sách, đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính đã nghiên cứu lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế tài sản, trong đó có đề xuất đưa đất nông nghiệp vào đối tượng không chịu thuế. Hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế tài sản đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội. Tổng hợp các ý kiến tham gia cho thấy hầu hết các ý kiến đều nhất trí với việc đưa đất nông nghiệp vào đối tượng không chịu thuế. Ngoài ra, số thu thuế SDDNN là không lớn. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung Luật thuế SDDNN là không cần thiết.

**Phương án 2: Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN*

Thực hiện phương án này sẽ đảm bảo tính khả thi: Trong thời gian qua, việc miễn, giảm thuế SDDNN qua các thời kỳ đều được ban hành dưới dạng Nghị quyết của Quốc hội. Chính sách miễn thuế SDDNN đã được thực hiện được 20 năm và nhận được sự ủng hộ của tổ chức, cá nhân SDDNN, là giải pháp để tiếp tục thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, nông dân và chủ trương khuyến khích và phát triển sản xuất nông nghiệp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị quyết của Quốc hội đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

Mặt khác, việc miễn thuế SDDNN chỉ thực hiện cho từng giai đoạn nhất định, do đó, việc ban hành dưới hình thức Nghị quyết của Quốc hội là hợp lý nhất.

Từ những phân tích trên, Bộ Tài chính đề nghị trình Chính phủ, trình Quốc hội thực hiện theo phương án 2.

2. Về nội dung miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Tại dự thảo Nghị quyết gửi lấy ý kiến đề nghị miễn thuế SDDNN như quy định hiện hành cụ thể:

“1. Miễn thuế SDDNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm *mà chưa chuyển sang thuê đất*².”

2. Miễn thuế SDDNN đối với toàn bộ diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

3. Miễn thuế SDDNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo, *cộng đồng dân cư*³.

² Theo quy định của Luật đất đai 2013 thì trường hợp này thuộc đối tượng được nhà nước cho thuê đất và không phải nộp thuế SDDNN, tuy nhiên thực tế một số trường hợp vẫn chưa được chuyển sang thuê đất do nhiều nguyên nhân, theo đó trường hợp chưa chuyển sang thuê đất thì phải nộp thuế SDDNN và được miễn thuế để khuyến khích nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm những sản phẩm nông nghiệp mới.

³ Theo Luật đất đai 2013 thì cộng đồng dân cư SDDNN theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, nên thuộc đối tượng chịu thuế SDDNN theo quy định của Luật thuế SDDNN, do đó phải bổ sung thêm cộng đồng dân cư vào đối tượng miễn thuế.



4. Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

b) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SĐĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

5. Miễn thuế SĐĐNN đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho *tổ chức*⁴ đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp”.

Tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế”.

** Đa số các ý kiến nhất trí với nội dung dự thảo. Có 03 ý kiến tham gia thêm như sau:*

- Có 01 ý kiến đề nghị bổ sung miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ dân tộc thiểu số.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo quy định pháp luật đất đai hiện hành thì Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, cộng đồng dân cư SĐĐNN.

Chính sách miễn thuế SĐĐNN hiện hành quy định miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích nông nghiệp được Nhà nước giao (đã bao gồm các trường hợp hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư). Ngoài ra, qua đánh giá tổng kết thực hiện chính sách miễn thuế trong 10 năm qua đối với các trường hợp này thì không phát sinh vướng mắc.

Theo đó, để bao quát các trường hợp được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo pháp luật về đất đai, Bộ Tài chính đề nghị không bổ sung liệt kê cụ thể miễn thuế đối với đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ dân tộc thiểu số và cộng đồng dân cư.

⁴ Theo quy định của Luật đất đai 2013 thì tổ chức, gọi chung của tổ chức kinh tế, gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật dân sự. Do đó chỉ cần quy định chung là tổ chức.



- Có 01 ý kiến đề nghị bổ sung: "Miễn thuế SDDNN trong suốt thời gian thực hiện dự án đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm mà chưa chuyển sang thuê đất".

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo quy định của Luật đất đai 2013 thì trường hợp này thuộc đối tượng được nhà nước cho thuê đất và không phải nộp thuế SDDNN, tuy nhiên thực tế một số trường hợp vẫn chưa được chuyển sang thuê đất do nhiều nguyên nhân, theo đó trường hợp chưa chuyển sang thuê đất thì phải nộp thuế SDDNN và được miễn thuế để khuyến khích nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm những sản phẩm nông nghiệp mới. Việc miễn thuế SDDNN là thực hiện cho từng giai đoạn, không phải miễn suốt đời dự án như theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về tiền thuê đất. Do đó, việc đề xuất miễn thuế trong suốt thời gian thực hiện dự án là chưa phù hợp.

- Có 01 ý kiến đề nghị đối với trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp thì tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất phải kê khai, nộp tiền thuê đất (theo giá đất nông nghiệp) hàng năm trong thời gian cơ quan có thẩm quyền chưa lập hồ sơ, thủ tục chuyển sang thuê đất vì theo Luật đất đai thì trường hợp này sẽ bị thu hồi đất và thuộc đối tượng phải chuyển sang thuê đất, nộp tiền thuê đất hàng năm.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo quy định của Luật đất đai 2013 thì các trường hợp này là các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai và phải bị thu hồi đất. Trên thực tế, do nhiều nguyên nhân nên các trường hợp này vẫn chưa bị thu hồi và trên giấy tờ vẫn đang được nhà nước giao đất (chưa thực hiện chuyển sang thuê đất). Do đó, theo quy định của Luật thuế SDDNN thì các trường hợp được giao đất nông nghiệp phải nộp thuế SDDNN. Theo đó, việc thu 100% thuế SDDNN trong thời gian thu chưa bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai là phù hợp. Việc nộp thuế SDDNN không phải là việc hợp thức hóa hay là căn cứ để giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất.

Quy định về việc nộp tiền thuê đất đối với trường hợp này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

- Có 01 ý kiến đề nghị sửa đổi Khoản 1 Điều 2 như sau: "1. Miễn thuế SDDNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm mà chưa chuyển sang thuê đất".

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo quy định Luật đất đai 2013 thì trường hợp SDDNN phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất và không phải nộp thuế SDDNN theo quy định của Luật thuế SDDNN. Trường hợp được nhà nước giao đất nông nghiệp để phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm mà chưa chuyển sang thuê đất thì vẫn phải nộp thuế SDDNN theo quy định và được miễn thuế để khuyến khích nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm. Do đó, sau khi nghiên cứu lại, Bộ Tài chính thấy không cần thiết phải bổ sung cụm từ "mà chưa



chuyển sang thuê đất” tại nội dung trên (trong quá trình triển khai thực hiện cũng không vướng mắc gì). Theo đó, tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đã bỏ cụm từ trên tại dự thảo.

3. Về thời hạn miễn thuế SDDNN

Tại dự thảo Nghị quyết gửi xin ý kiến đề xuất thời hạn miễn thuế SDDNN là 10 năm (từ 01/01/2021 đến hết 31/12/2030).

** Đa số các ý kiến nhất trí với nội dung dự thảo. Có 02 ý kiến tham gia thêm như sau:*

- Có 01 ý kiến đề nghị cân nhắc thận trọng với quy định miễn thuế SDDNN lâu dài đối với đất được Nhà nước giao cho các tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp và thời gian miễn 10 năm của Nghị quyết là quá dài.

- Có 01 ý kiến đề nghị thời gian miễn thuế SDDNN đối với hộ gia đình, cá nhân là 10 năm và đối với tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp là trên 10 năm (do đối với tổ chức thì quy mô sản xuất lớn hơn cần có sự đầu tư về tài chính, tài sản cố định, vật tư sản xuất, định hướng đầu tư chiều sâu về chuyên môn để sản xuất hàng hóa và quan hệ các đối tác kinh doanh).

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Miễn thuế là hình thức ưu đãi thuế trực tiếp phổ biến, đơn giản, dễ thực hiện đối với người nộp thuế và cơ quan thuế. Tuy nhiên, nếu thời kỳ ưu đãi kéo dài sẽ tăng áp lực lên NSNN, ngược lại nếu thời gian ưu đãi ngắn thì chi thu hút được các dự án ngắn hạn hoặc có thể dẫn đến hiện tượng chuyển vốn sang đầu tư sang lĩnh vực khác khi hết thời hạn miễn thuế.

Theo Báo cáo của Ban Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, việc tái cơ cấu nông nghiệp trong những năm vừa qua cho thấy cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp ban hành nhiều nhưng chủ yếu ngắn hạn và chưa đồng bộ, kinh tế nông thôn thiếu ổn định, không đồng đều.

Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu đến năm 2030 tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản bình quân từ 3-3,2%/năm⁵, góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất trên diện tích đất của mình, từ đó có điều kiện nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống; đồng thời cũng đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 26-NQ/TW có nêu: *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta*) thì việc đề xuất thời hạn miễn thuế SDDNN trong giai đoạn 10 năm là hợp lý.

⁵ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 2/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030



Ngoài ra, các loại hình tổ chức sản xuất trong nông nghiệp gồm có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, mô hình kinh tế hộ. Trong giai đoạn tới, trước bối cảnh kinh tế thị trường và toàn cầu hóa nền kinh tế thì doanh nghiệp nông nghiệp được xác định có vai trò “trụ cột” trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, ưu đãi chủ yếu đối với các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp⁶ (*ưu đãi về tín dụng, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phát triển thị trường...*). Mặt khác, hiện nay đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân với quy mô nông hộ hoặc trang trại. Theo đó, để đảm bảo tính công bằng, khuyến khích hộ gia đình, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp, gắn bó với đất nông nghiệp, đề nghị không phân biệt thời gian miễn thuế giữa doanh nghiệp và hộ gia đình, cá nhân.

4. Về hiệu lực thi hành

Tại khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị quyết gửi xin ý kiến quy định:

“4. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành những nội dung cần thiết của Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước”.

Có 01 ý kiến đề nghị xem xét sự cần thiết quy định nội dung tại Khoản 4 Điều 4 vì dự thảo Nghị quyết đã quy định khá rõ và không có điều, khoản giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành. Do đó, cần điều chỉnh theo hướng: *“Giao Chính phủ tổ chức triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua”*

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Tại Điều 96 Hiến pháp 2013 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ: *“Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước”.*

Tại Điều 19 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong nghị quyết của Quốc hội; các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Nghị quyết của Quốc hội.

Theo đó, để đảm bảo tính khả thi của Nghị quyết, cần thiết giao Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành những nội dung tại Nghị quyết.

5. Ý kiến tham gia khác

- Có 01 ý kiến đề nghị bổ sung quy định *“Các trường hợp được miễn thuế thì NNT vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế của năm đầu tiên được miễn thuế và các năm tiếp theo (nếu có thay đổi tăng, giảm về diện tích đất chịu thuế) để Nhà nước có điều kiện kiểm soát, quản lý tình hình sử dụng đất nông nghiệp”*

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

⁶ Nghị định 57/2018/NĐ-CP, Quyết định 68/QĐ-TTg năm 2017 về Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025 và Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa....

Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định trường hợp được miễn hoặc giảm thuế SDĐNN thì người nộp thuế vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế SDĐNN cùng giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế, giảm thuế của năm đầu tiên và năm tiếp theo năm hết thời hạn miễn thuế, giảm thuế. Theo đó, đề xuất bổ sung quy định này là không cần thiết.

- Có 01 ý kiến đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về việc miễn thuế SDĐNN không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam, đặc biệt trong WTO, CPTPP và EVFTA sau khi tiến hành rà soát cụ thể.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính đã tiếp thu, rà soát và hoàn chỉnh tại dự thảo hồ sơ.

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan về dự án Nghị quyết về miễn thuế SDĐNN./.

BỘ TÀI CHÍNH

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
VỀ HỒ SƠ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT VỀ MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP**

TT	Các đơn vị	Công văn	Ý kiến tham gia	Thời điểm
A	Ý kiến chung			
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	4849/BGDĐT-PC ngày 25/10/2019	Nhất trí	
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8000/BNN-TC ngày 25/10/2019	Nhất trí	
3	Ủy ban dân tộc	1203/UBNDT-KHTC ngày 21/10/2019	Nhất trí	
4	Bộ Quốc phòng	11637/BQP-TC ngày 22/10/2019	Nhất trí	
5	Thanh tra Chính phủ	1901/TTCP-V.II ngày 23/10/2019	Nhất trí	
6	Đại tiếng nói Việt Nam	2721/TNVN-TKBT ngày 23/10/2019	Nhất trí	
7	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	3828/BHXH-TCKT ngày 11/10/2019	Nhất trí	
8	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	2241/VHL-KHTC ngày 18/10/2019	Nhất trí	
9	Bộ Công thương	8147/BCT-KH ngày 28/10/2019	Nhất trí	
10	Bộ Tư pháp	4285/BTP-PLDSKT ngày 30/10/2019	Nhất trí	
11	Bộ Xây dựng	2566/BXD-KTXD ngày 31/10/2019	Nhất trí	
12	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	8479/NHNN-PC ngày 30/10/2019	Nhất trí	
13	Ban quản lý lăng chủ tịch Hồ Chí Minh	1115/BQLL-VP ngày 28/10/2019	Nhất trí	



TTT	Các đơn vị	Công văn	Nội kiến tham gia	Giải trình
14	Bộ Công an (công văn mật)	3288/BCA-ANKT ngày 31/10/2019	Nhất trí	
15	Bộ Ngoại giao	4262/BNG-LPQT ngày 1/11/2019	Nhất trí	
16	Bộ Thông tin và truyền thông	3760/BTTTT-PC ngày 24/10/2019	Nhất trí	
17	UBND tỉnh Bạc Liêu	4784/UBND-KT ngày 25/10/2019	Nhất trí	
18	UBND tỉnh Hòa Bình	1693/UBND-TCTM ngày 22/10/2019	Nhất trí	
19	Cục thuế tỉnh Quảng Ninh	8844/CT-HKDCN ngày 24/10/2019	Nhất trí	
20	Sở Tài chính tỉnh Thái Bình	2698/STC-QLNS ngày 24/10/2019	Nhất trí	
21	Cục thuế tỉnh Hà Giang	831/CT-NVDTPC ngày 24/10/2019	Nhất trí	
22	Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn	2089/STC-QLG&CS ngày 21/10/2019	Nhất trí	
23	Sở Tài chính tỉnh Kon Tum	3117/STC-QLNS ngày 24/10/2019	Nhất trí	
24	Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn	1652/STC- QLCS,G&TCDN ngày 22/10/2019	Nhất trí	
25	Cục thuế tỉnh Thái Nguyên	3173/CT-NVDTPC ngày 24/10/2019	Nhất trí	
26	Cục thuế tỉnh Ninh Bình	3948/CT-HKDCN ngày 23/10/2019	Nhất trí	
27	Cục thuế tỉnh Tiền Giang	2982/CT-HKDCN ngày 25/10/2019	Nhất trí	
28	Cục thuế tỉnh Khánh Hòa	5426/CT_QLHCNTK ngày 25/10/2019	Nhất trí	

TT	Các đơn vị	Công văn	Y kiến tham gia	Giải trình
29	Cục thuế tỉnh Tuyên Quang	1207/CT-NVDTPC ngày 24/10/2019	Nhất trí	
30	Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ	1804/STC-QLNS ngày 29/10/2019	Nhất trí	
31	Cục thuế tỉnh Nam Định	6900/CT-QLHKDCN&TK ngày 24/10/2019	Nhất trí	
32	Cục thuế tỉnh Bắc Giang	5775/CT-QLHCNTK ngày 24/10/2019	Nhất trí	
33	Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa	4837/STC-QLNS.TTK ngày 25/10/2019	Nhất trí	
34	Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc	2129/STC-QLNS ngày 29/10/2019	Nhất trí	
35	Cục thuế tỉnh Phú Yên	3935/CT-NVDTPC ngày 22/10/2019	Nhất trí	
36	UBND thành phố Đà Nẵng	7366/UBND-KTTC ngày 31/10/2019	Nhất trí	
37	Sở Tài chính tỉnh Cà Mau	3512/STC-QLNS ngày 24/10/2019	Nhất trí	
38	Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh	4157/STC-NSHX ngày 24/10/2019	Nhất trí	
39	Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh	2692/STC-NS ngày 31/10/2019	Nhất trí	
40	UBND tỉnh Quảng Bình	..UBND/TH ngày	Nhất trí	
41	UBND tỉnh Bình Định	6685/UBND-KT ngày 4/11/2019	Nhất trí	
42	Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang	3345/STC-QLNS ngày 31/10/2019	Nhất trí	



TT	Đơn vị	Công văn	Nhiệm vụ tham gia	Giải trình
43	Cục thuế thành phố Cần Thơ	4423/CT-QLHKDCNTK ngày 5/11/2019	Nhất trí	
44	Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk	2797/STC-QLNS ngày 29/10/2019	Nhất trí	
45	Cục thuế tỉnh Quảng Nam	8241/CT-CNTK ngày 25/10/2019	Nhất trí	
46	Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi	2869/CT-NVDTPC ngày 30/10/2019	Nhất trí	
47	Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên	1107/STC-HCSN ngày 1/11/2019	Nhất trí	
48	UBND tỉnh Điện Biên	3259/UBND-KT ngày 6/11/2019	Nhất trí	
49	Cục thuế tỉnh Nghệ An	4287/CT-NVDTPC ngày 31/10/2019	Nhất trí	
50	UBND thành phố Hồ Chí Minh	13244/CT-QLD ngày 8/11/2019	Nhất trí	
51	Sở Tài chính tỉnh Bình Dương	3515/STC-NS ngày 4/11/2019	Nhất trí	
52	UBND tỉnh Cao Bằng	3863/UBND-KT ngày 6/11/2019	Nhất trí	
B	Kết quả trả về từ thời điểm duyệt			
1	Về phạm vi diện miễn			
1	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	.../UBND-TC ngày...	Đề nghị sửa lại Điều 1 như sau: "Nghị quyết quy định về các trường hợp miễn thuế nông nghiệp và thời hạn miễn, giảm thuế SDBNN"	Tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.

TT	Các đơn vị	Công văn	Ý kiến tham gia	Giải trình
II	Về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp			
1	Cục thuế tỉnh Bắc Giang	5775/CT-QLHCNTK ngày 24/10/2019	Đề nghị bổ sung "Miễn thuế SDDNN trong suốt thời gian thực hiện dự án đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm mà chưa chuyển sang thuế đất".	Theo quy định của Luật đất đai 2013 thì trường hợp này thuộc đối tượng được nhà nước cho thuê đất và không phải nộp thuế SDDNN, tuy nhiên thực tế một số trường hợp vẫn chưa được chuyển sang thuê đất do nhiều nguyên nhân, theo đó trường hợp chưa chuyển sang thuê đất thì phải nộp thuế SDDNN và được miễn thuế để khuyến khích nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm những sản phẩm nông nghiệp mới. Việc miễn thuế SDDNN là thực hiện cho từng giai đoạn, không phải miễn suốt đời dự án như theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về tiền thuê đất. Do đó, việc đề xuất miễn thuế trong suốt thời gian thực hiện dự án là chưa phù hợp.
2	Cục thuế thành phố Hải Phòng	3210/CT-HKDCN ngày 25/10/2019	Tại khoản 5, Điều 2: "Tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế". Đề nghị ghi đầy đủ là "... thuế sử dụng đất nông nghiệp". Theo quy định của Luật đất đai, các trường hợp này thuộc đối tượng phải chuyển sang thuê đất, nộp tiền thuê đất hàng năm. Mặt khác, đến nay hạng đất tính thuế SDDNN đã hết thời	Theo quy định của Luật đất đai 2013 thì các trường hợp này là các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai và phải bị thu hồi đất. Trên thực tế, do nhiều nguyên nhân nên các trường hợp này vẫn chưa bị thu hồi và trên giấy tờ vẫn đang được nhà nước giao đất (chưa thực hiện chuyển sang thuê đất). Do đó, theo quy định của Luật thuế SDDNN thì các trường hợp được giao đất nông nghiệp phải nộp thuế SDDNN. Theo đó, việc thu 100% thuế SDDNN trong thời gian thu chưa bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai là phù hợp. Việc nộp thuế SDDNN không phải là việc hợp thức hóa hay là căn cứ để giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất. Quy định về việc nộp tiền thuê đất đối với trường hợp này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.



TH	Mã đơn vị	Công văn	Ý kiến tham gia	Giải trình
3	Cục thuế tỉnh Hà Giang 831/CT-NVDTPC ngày 24/10/2019		gian áp dụng và chi phí, thủ tục để điều chỉnh, phân lại hàng đất tính thuế SDDNN rất lớn và phức tạp mà không mang lại số thu cho ngân sách. Vì vậy, đề nghị trong thời gian cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa lập hồ sơ, thủ tục chuyên sang thuế đất thì tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất phải kê khai, nộp tiền thuế đất (theo giá đất nông nghiệp) hàng năm.	Tráp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
II. Về thời hạn miễn thuế				
1	Cục thuế tỉnh Bắc Giang 5775/CT-QLHCNTK ngày 24/10/2019		Đề nghị thời gian miễn thuế SDDNN đối với hộ gia đình, cá nhân là 10 năm và đối với tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp là trên 10 năm (đó đối với tổ chức thì quy mô sản xuất lớn hơn cần có sự đầu tư về tài chính, tài sản cố định, vật tư sản xuất, định hướng đầu tư chiều sâu về chuyên môn để sản xuất hàng hóa và quản hệ các đối tác kinh doanh).	Miễn thuế là hình thức ưu đãi thuế trực tiếp phổ biến, đơn giản, dễ thực hiện đối với người nộp thuế và cơ quan thuế. Tuy nhiên, nếu thời kỳ ưu đãi kéo dài sẽ tăng áp lực lên NSNN, ngược lại nếu thời gian ưu đãi ngắn thì chi thu hút được các dự án ngắn hạn hoặc có thể dẫn đến hiện tượng chuyển vốn sang đầu tư sang lĩnh vực khác khi hết thời hạn miễn thuế.
2	Ủy ban tài chính ngân sách Quốc hội 1765/UNT CNS14 ngày 28/10/2019		Đề nghị cần nhắc thận trọng với quy định miễn thuế SDDNN lâu dài đối với đất được Nhà nước giao cho các tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất	Theo Báo cáo của Ban Chi đạo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, việc tái cơ cấu nông nghiệp trong những năm vừa qua cho thấy cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp ban hành nhiều nhưng chủ yếu ngắn hạn và chưa đồng bộ, kinh tế nông thôn thiếu ổn

TT	Các đơn vị	Công văn	Ý kiến tham gia	Giải trình
			<p>nông nghiệp và thời gian miễn 10 năm của Nghị quyết là quá dài.</p>	<p>định, không đồng đều.</p> <p>Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu đến năm 2030 tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản bình quân từ 3-3,2%/năm¹, góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất trên diện tích đất của mình, từ đó có điều kiện nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống; đồng thời cũng đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 26-NQ/TW có nêu: <i>Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta</i>) thì việc đề xuất thời hạn miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn 10 năm là hợp lý.</p> <p>Ngoài ra, các loại hình tổ chức sản xuất trong nông nghiệp gồm có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, mô hình kinh tế hộ. Trong giai đoạn tới, trước bối cảnh kinh tế thị trường và toàn cầu hóa nền kinh tế thì doanh nghiệp nông nghiệp được xác định có vai trò “trụ cột” trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, ưu đãi chủ yếu đối với các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp² (<i>ưu đãi về tín dụng, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phát triển thị trường...</i>). Mặt khác, hiện nay đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân với</p>

¹ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 2/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

² Nghị định 57/2018/NĐ-CP, Quyết định 68/QĐ-TTg năm 2017 về Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025 và Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.



TĐ	Giao đơn vị	Công văn	Ý kiến tham gia	Giải trình
3	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	.../UBND-TC ngày...	Đề nghị sửa lại Điều 3 như sau: “ <i>Thời hạn miễn, giảm thuế SDDNN...</i> ”	quy mô nông hộ hoặc trang trại. Theo đó, để đảm bảo tính công bằng, khuyến khích hộ gia đình, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp, gắn bó với đất nông nghiệp, đề nghị không phân biệt thời gian miễn thuế giữa doanh nghiệp và hộ gia đình, cá nhân.
III Vấn đề vướng mắc				
1	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	.../UBND-TC ngày...	Đề nghị sửa lại Khoản 2, Điều 4 như sau: “ <i>2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì hành, đối tượng được miễn, giảm SDDNN không quy định tại Nghị quyết.</i> ”	Tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
2	Sở Tài chính tỉnh Cà Mau	3512/STC-QLNS ngày 24/10/2019	Cần thiết xem lại sự cần thiết quy định tại khoản 4 Điều 4 vì dự thảo Nghị quyết đã quy định khá rõ và không có điều, khoản giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành. Do đó, cần điều chỉnh theo hướng “ <i>Giao Chính phủ tổ chức triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua.</i> ”	Tại Điều 96 Hiến pháp 2013 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ: “ <i>Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.</i> ” Tại Điều 19 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong nghị quyết của Quốc hội; các biện pháp cụ thể để rõ chức thi hành Nghị quyết của Quốc hội. Theo đó, để đảm bảo tính khả thi của Nghị quyết, cần thiết giao Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành những nội dung tại Nghị quyết.
IV Vấn đề kiến nghị				
1	Cục thuế tỉnh Quảng Nam	8241/CT-CNTK ngày 25/10/2019	Các trường hợp được miễn thuế thì NNT vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế của năm	Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành

TT	Các đơn vị	Công văn	Y kiến tham gia	Giải trình
			<p>đầu tiên được miễn thuế và các năm tiếp theo (nếu có thay đổi tăng, giảm về diện tích đất chịu thuế) để Nhà nước có điều kiện kiểm soát, quản lý tình hình SDDNN.</p>	<p>đã quy định trong hợp miễn hoặc giảm thuế SDDNN thì người nộp thuế vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế SDDNN cùng giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế, giảm thuế của năm đầu tiên và năm tiếp theo năm hết thời hạn miễn thuế, giảm thuế. Theo đó, đề xuất bổ sung quy định này là không cần thiết.</p>
2	Bộ Ngoại giao	4262/BNG-LPQT ngày 1/11/2019	<p>Tại điểm I.3 Tờ trình Chính phủ (trang 10) đề nghị bổ sung nội dung về việc miễn thuế SDDNN không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam, đặc biệt trong WTO, CPTPP và EVFTA sau khi tiến hành rà soát cụ thể.</p>	<p>Tiếp thu và hoàn chỉnh tại dự thảo.</p>
3	Ủy ban tài chính ngân sách Quốc hội	1765/UNTCNS14 ngày 28/10/2019	<p>Đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế SDDNN theo trình tự thủ tục thông qua tại một kỳ họp (kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV) thay vì trình Quốc hội ban hành Nghị quyết.</p>	<p>Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Ủy ban Tài chính - Ngân sách, để đảm bảo không ảnh hưởng đến việc ban hành chính sách miễn thuế SDDNN trong thời gian tới, Bộ Tài chính trình Chính phủ 2 phương án như sau: * <i>Phương án 1: xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Điều 19 Luật thuế SDDNN</i> * <i>Phương án 2: Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN</i> Bộ Tài chính trình Chính phủ, trình Quốc hội thực hiện theo phương án 2.</p>

